

TỔNG CÔNG TY
ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM-CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA
Số 275/CBTT-HHC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghệ An, ngày 31 tháng 3 năm 2025

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na

Mã chứng khoán: HNA

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07 đường Quang Trung, Phường Quang Trung, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Điện thoại: 0238.3588766

Fax: 0238.3588767

Người thực hiện công bố thông tin: ông Nguyễn Xuân Sơn

Chức vụ: Phó Giám đốc.

Loại thông tin công bố: ☒ Định kỳ ☐ Bất thường ☐ 24h ☐ Theo yêu cầu

Nội dung công bố thông tin: Báo cáo thường niên năm 2024 Công ty cổ phần Thủy điện Hủa Na.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 31/3/2025 tại đường dẫn: <https://huana.com.vn>.

Công ty xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

Tài liệu gửi kèm:

- Báo cáo thường niên năm 2024.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Xuân Sơn

CÔNG TY
CP THỦY
ĐIỆN
HỦA NA

Digitally signed by CÔNG
TY CP THỦY ĐIỆN HỦA NA
DN: C=VN, S=NGHỆ AN,
L=Thành phố Vinh,
CN=CÔNG TY CP THỦY
ĐIỆN HỦA NA,
OID.0.9.2342.19200300.100
.1.1=MST:2900797430
Reason: I am the author of
this document
Location: your signing
location here
Date: 2025-03-31 16:14:45
Foxit Reader Version: 10.0.1

BÁO CÁO **THƯỜNG NIÊN** **NĂM 2024**

Nghệ An, tháng 03 năm 2025





DANH MỤC TỪ NGỮ VIẾT TẮT

CBCNV	Cán bộ công nhân viên
CCCD	Căn cước công dân
CTCP	Công ty cổ phần
Công ty/ Hòa Na/ HNA	Công ty cổ phần Thủy điện Hòa Na
CP	Cổ phiếu
NMTĐ	Nhà máy thủy điện
SXKD	Sản xuất kinh doanh
TNHH MTV	Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
TTB	Trang thiết bị
TSCĐ	Tài sản cố định
TV HĐQT	Thành viên Hội đồng quản trị
TV BKS	Thành viên Ban kiểm soát
TP	Thành phố
QTKD	Quản trị kinh doanh
VĐL	Vốn điều lệ

MỤC LỤC

I.	THÔNG TIN CHUNG	04
	1. Thông tin khái quát	04
	2. Ngành nghề, địa bàn kinh doanh	06
	3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	07
	4. Định hướng phát triển	08
	5. Các rủi ro	09
II.	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	11
	1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	12
	2. Tổ chức nhân sự	13
	3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	20
	4. Tình hình tài chính	21
	5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.	22
	6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty	24
III.	BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC	27
	1. Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh	28
	2. Tình hình tài chính	29
	3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	30
	4. Kế hoạch phát triển trong tương lai	31
	5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán	32
	6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty	32
IV.	ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	33
	1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty	34
	2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty	34
	3. Kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị	35
V.	QUẢN TRỊ CÔNG TY	37
	1. Hội đồng quản trị	38
	2. Ban kiểm soát	40
	3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát	41
VI.	BÁO CÁO TÀI CHÍNH	43



TỔNG DOANH THU



800,57 TỶ ĐỒNG

hoàn thành **103%** so với kế hoạch

LỢI NHUẬN SAU THUẾ



269,75 TỶ ĐỒNG

hoàn thành **150%** so với kế hoạch

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi Quý cổ đông,

Năm 2024 là một năm nhiều thử thách và khó khăn đối với CTCP Thủy điện Hủa Na. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam gặp nhiều biến động và ảnh hưởng tiêu cực từ thiên tai. Trong bối cảnh đó, tầm quan trọng của ngành điện đối với việc ổn định nguồn năng lượng quốc gia đòi hỏi Công ty phải luôn tập trung cao độ trong công tác điều hành, bảo trì, duy trì hoạt động liên tục của Nhà máy thủy điện Hủa Na. Ban lãnh đạo Hủa Na đã nỗ lực nhằm không gây ra tình trạng gián đoạn nguồn cung điện và đảm bảo hoạt động kinh doanh diễn ra hiệu quả bám sát kế hoạch đề ra.

Trong năm 2024, tình hình thủy văn trên lưu vực hồ thủy điện Hủa Na diễn ra bất thường, gây khó khăn trong công tác tính toán chạy máy. Tuy nhiên, nửa cuối năm 2024, tình hình thủy văn lại diễn biến có lợi khi lưu lượng nước về hồ trung bình tăng khoảng 38% so với năm 2023. Đứng trước cơ hội, Ban lãnh đạo đã nhanh chóng chỉ đạo linh hoạt, báo sát thị trường điện để chào giá tối ưu và tiết kiệm nước tập trung phát điện vào các giờ cao điểm. Kết quả đạt được, tổng doanh thu là 800,57 tỷ đồng, đạt 103% so với kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế của Công ty là 269,75 tỷ đồng, đạt 150% so với kế hoạch. Thành quả trên phần lớn đến từ tinh thần nỗ lực, tập trung và trách nhiệm cao của cán bộ công nhân viên của CTCP Thủy điện Hủa Na trong bối cảnh khó khăn và thuận lợi đan xen xuyên suốt năm 2024.

Năm 2024 cũng là một cột mốc quan trọng đối với Công ty khi Công ty đã tiến hành mua thành công Nhà máy thủy điện Nậm Nơn với công suất 20 MW tại xã Xá Lượng, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An. Tổng giá trị giao dịch trước thuế là 640 tỷ đồng. Đây là quyết định đầu tư lớn, nhằm mục đích mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo tiền đề cho việc tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Đến ngày 07/12/2024, Công ty đã bắt đầu ghi nhận sản lượng và doanh thu từ Nhà máy thủy điện Nậm Nơn. Công ty kỳ vọng, với bề dày kinh nghiệm và chuyên môn cao của đội ngũ CBCNV, Nhà máy thủy điện Nậm Nơn sẽ vận hành hiệu quả, ổn định, góp phần vào sự phát triển lâu dài của Công ty và mang lại lợi ích cho các Cổ đông.

Ngoài ra, với vai trò là một thành viên trong cộng đồng địa phương, CTCP Thủy điện Hủa Na trong năm 2024 đã phát huy không ngừng các giá trị bền vững thông qua các hoạt động an sinh xã hội, các chương trình thiện nguyện xóa đói giảm nghèo và công tác bảo vệ môi trường tại khu vực các nhà máy. Các nỗ lực của Hủa Na nhằm đóng góp vào sự phát triển chung của tỉnh Nghệ An đã được chính quyền các địa phương ghi nhận và đánh giá cao.

Bước sang năm 2025 được dự báo có nhiều biến động cả về mặt kinh tế lẫn tình hình khí hậu, Hội đồng quản trị Công ty đã đề ra kế hoạch năm 2025 một cách thận trọng. Theo đó, ưu tiên vận hành ổn định và an toàn 02 nhà máy vẫn được đặt lên hàng đầu. Chúng tôi tin tưởng rằng, cùng với tinh thần trách nhiệm cao không ngại khó khăn, Ban lãnh đạo và cán bộ công nhân viên Hủa Na sẽ đáp ứng và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ mà Quý cổ đông giao phó, đóng góp vào an ninh năng lượng quốc gia.

Thay mặt Ban lãnh đạo của CTCP Thủy điện Hủa Na, chúng tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến tập thể cán bộ công nhân viên, các đối tác, khách hàng và Quý cổ đông đã luôn tin tưởng và đồng hành cùng với Công ty thời gian qua. Chúng tôi mong rằng trong tương lai tiếp tục nhận được nhiều sự ủng hộ của quý vị trên con đường phát triển của Công ty.

Xin chân thành cảm ơn.

Chủ tịch Hội đồng quản trị

HOÀNG XUÂN THÀNH

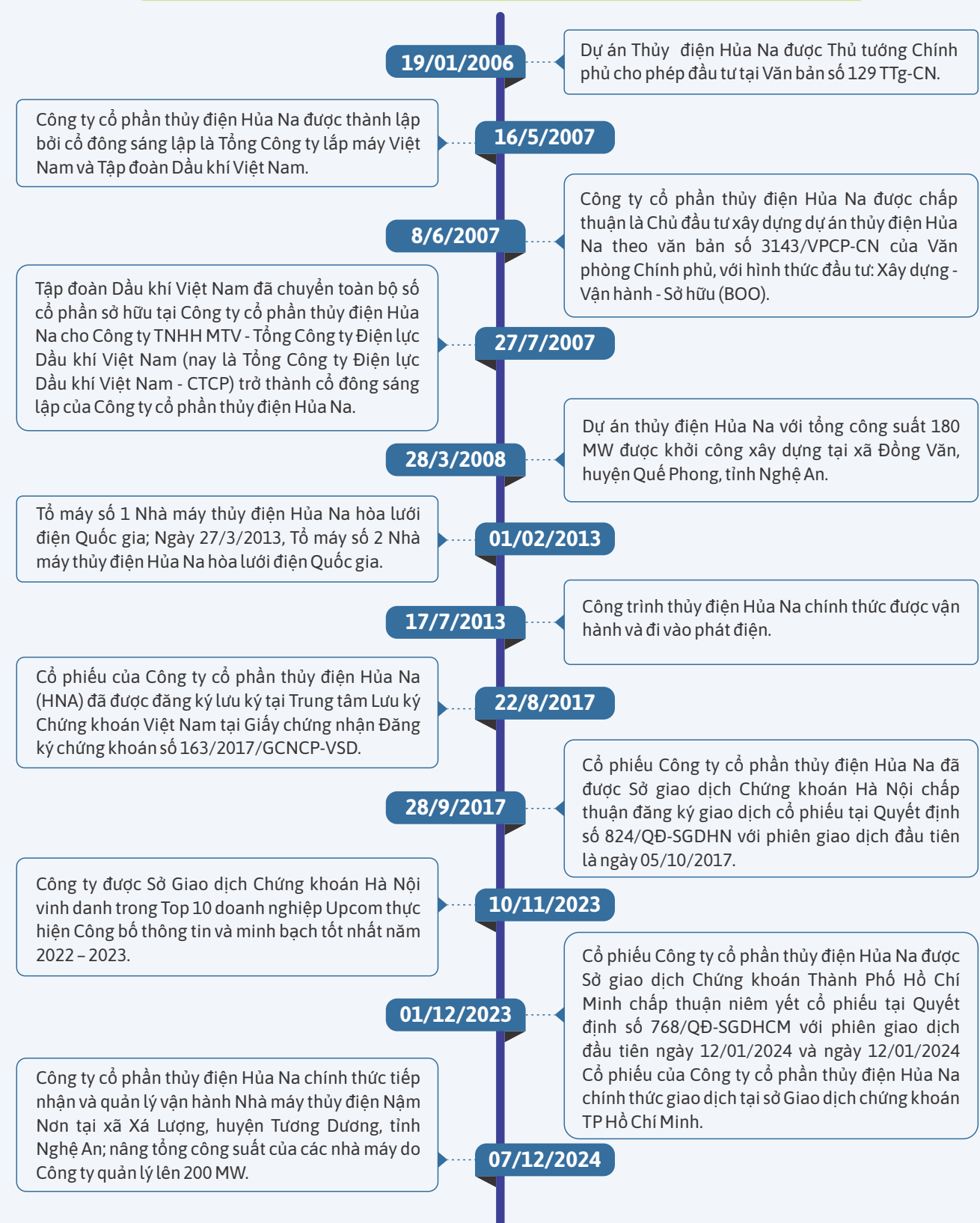
1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch	CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	2900797430 đăng ký sửa đổi lần thứ 10 ngày 03/01/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp
Vốn điều lệ	2.352.322.100.000 đồng
Vốn chủ sở hữu (tại ngày 31/12/2024)	3.243.001.624.875 đồng
Địa chỉ	Tầng 9 Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Số điện thoại	02383 588 766
Số fax	02383 588 767
Website	http://huana.com.vn
Mã cổ phiếu	HNA



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Công ty cổ phần thủy điện Hũa Na được thành lập ngày 16/5/2007 bởi cổ đông sáng lập là Tổng Công ty lắp máy Việt Nam và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Công ty cổ phần thủy điện Hũa Na hiện đang quản lý, vận hành Nhà máy thủy điện Hũa Na tại xã Đồng Văn, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An và Nhà máy thủy điện Nậm Nơn tại xã Xá Lượng, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An.



2. NGÀNH NGHỀ, ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH



SẢN XUẤT ĐIỆN VÀ KINH DOANH ĐIỆN

Hiện CTCP Thủy điện Hòa Na đang vận hành
02 dự án thủy điện



Nhà máy thủy điện
HỦA NA



Nhà máy thủy điện
NẬM NƠN

ĐỊA BÀN KINH DOANH



TRỤ SỞ CHÍNH:

Tầng 9 Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07,
đường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.



Nhà máy thủy điện Hòa Na

xã Đồng Văn, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An.



Nhà máy thủy điện Nậm Nơn

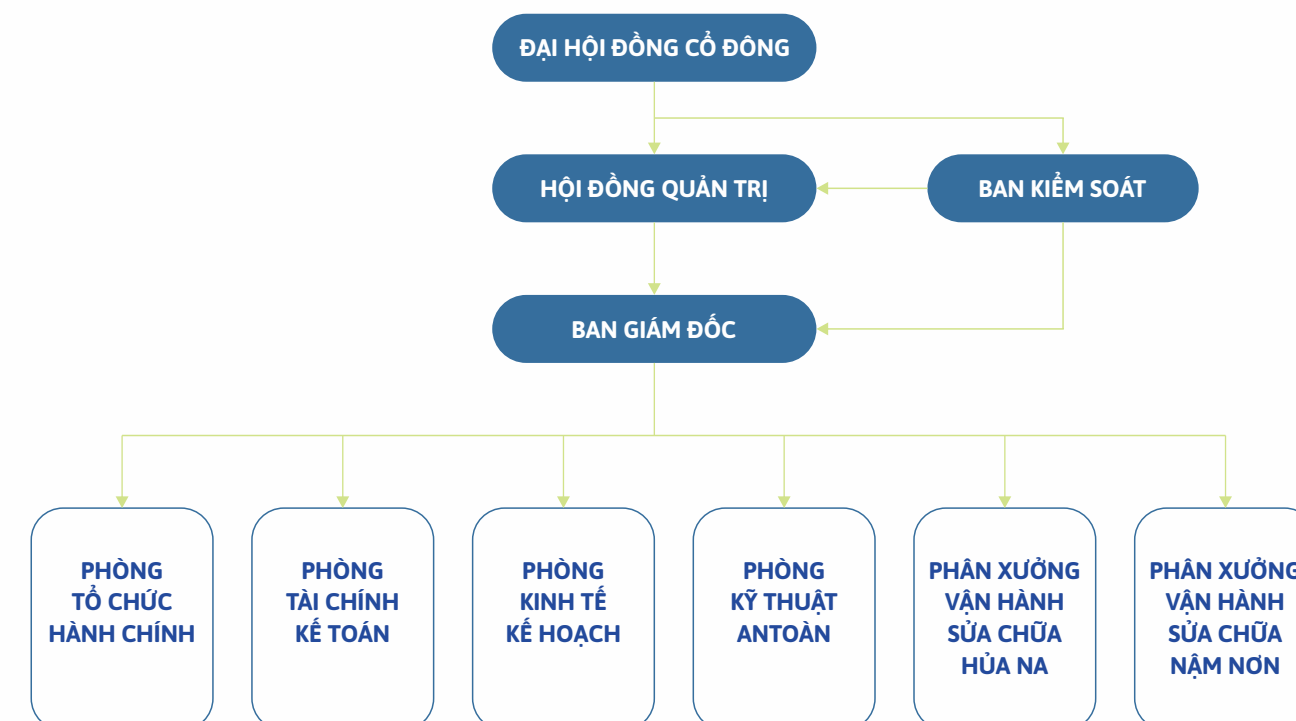
xã Xá Lượng, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An.

3. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ



CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Không có

4. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU

- Kinh doanh trong những lĩnh vực mà Công ty am hiểu, có nhiều kinh nghiệm như vận hành, sửa chữa các nhà máy thủy điện để tận dụng thế mạnh sẵn có của Công ty.
- Phát triển dịch vụ kỹ thuật đáp ứng nhu cầu của các nhà máy điện.
- Đầu tư và nắm quyền chi phối một số dự án năng lượng tái tạo, thủy điện vừa và nhỏ; nghiên cứu đầu tư dự án mở rộng nhà máy thủy điện Hòa Na nhằm chủ động thực hiện được những mục tiêu chiến lược của Công ty.
- Đầu tư góp vốn vào các nhà máy điện; đầu tư tài chính, đầu tư bất động sản; dịch vụ trên hồ nhằm đa dạng hóa, đảm bảo dòng tiền, hiệu quả và lợi ích kinh tế của Công ty.
- Mở rộng sản xuất kinh doanh trên cơ sở phát huy được tối đa nguồn lực hiện có của công ty.
- Đào tạo phát triển và bổ sung nguồn lực có chất lượng cho công ty, xác định đây là yếu tố quan trọng sẽ đóng góp cho quá trình phát triển của Công ty.

CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- Xây dựng và phát triển Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na ngày càng vững mạnh, đa dạng ngành nghề, lấy lĩnh vực sản xuất điện làm trọng tâm, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo sự phát triển bền vững mang lại doanh thu và lợi nhuận cao.
- Thực hiện tốt trách nhiệm đối với môi trường và xã hội: Luôn tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, đặc biệt quan tâm chú trọng việc bảo cáo giám sát chất lượng môi trường định kỳ về các chỉ tiêu nước thải, chất thải nguy hại, độ ồn, độ bụi, ...; Song song với việc sản xuất kinh doanh, thực hiện tốt công tác an sinh xã hội, tham gia các hoạt động vì người nghèo, ủng hộ đồng bào bị ảnh hưởng thiên tai, dịch bệnh, ...

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG & DÀI HẠN

- Xây dựng công ty trở thành công ty đại chúng mạnh có uy tín trên thị trường chứng khoán Việt Nam, từ lĩnh vực quản lý đầu tư thủy điện và phát triển đa ngành các lĩnh vực khác nhằm gia tăng giá trị công ty, gia tăng lợi nhuận và cổ tức cổ đông phát huy thế mạnh truyền thống văn hoá doanh nghiệp nâng cao thương hiệu công ty.
- Xây dựng và phát triển Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na ngày càng vững mạnh, đa dạng ngành nghề, lấy lĩnh vực sản xuất điện làm trọng tâm và theo xu hướng chuyển dịch năng lượng xanh.
- Phát triển thành đơn vị hàng đầu trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ kỹ thuật cho các nhà máy điện.
- Xây dựng công ty có tiềm lực tài chính mạnh, kinh doanh có hiệu quả; Bảo toàn và phát triển vốn cổ đông.
- Đẩy mạnh công tác ứng dụng khoa học công nghệ, nghiên cứu các sáng kiến, cải tiến kỹ thuật để áp dụng vào thực tế, nhằm nâng cao năng suất, hiệu quả sản xuất kinh doanh; áp dụng mạnh mẽ, có hiệu quả chuyển đổi số vào công tác quản lý kỹ thuật và công tác quản trị.



5. CÁC RỦI RO

RỦI RO VỀ KINH TẾ

Các yếu tố kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, tỷ giá ngoại tệ, ... sẽ tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na.

Tăng trưởng kinh tế: Những biến động của nền kinh tế vĩ mô ở trong và ngoài nước có tác động trực tiếp đến sự phát triển của các thành phần cũng như ngành kinh tế và tất nhiên ảnh hưởng gián tiếp đến việc tiêu thụ điện năng của người dân và doanh nghiệp. Mặc dù vậy, do nhu cầu sử dụng điện hiện tại vẫn ở mức cao nên sự thay đổi của nền kinh tế vĩ mô không ảnh hưởng nhiều. Hơn thế nữa, hiện tại nguồn cung cấp điện vẫn chưa đủ cho nhu cầu của cả nước và ngành điện vẫn đang được Chính phủ khuyến khích đầu tư.

Lạm phát: Lạm phát Việt Nam trong những năm gần đây đã được Chính phủ kiểm chế, kiểm soát; theo đánh giá chung thì tỷ lệ lạm phát không ảnh hưởng nhiều đến tiêu thụ điện năng và giá bán điện.

RỦI RO VỀ PHÁP LUẬT

Rủi ro về pháp luật là rủi ro mạng tính hệ thống, có ảnh hưởng đến nhiều mặt của xã hội nói chung và ngành điện nói riêng. Mọi thay đổi trong chính sách của Chính phủ đều có những ảnh hưởng nhất định đến hoạt động của Công ty.

Là một Công ty đại chúng quy mô lớn ngoài việc tác động của một số Luật như: luật Doanh nghiệp, luật Điện lực, luật Xây dựng, luật Đất đai, ... Công ty còn chịu sự chi phối của luật Chứng khoán. Việt Nam hiện vẫn đang trong diện các nước đang phát triển nên các văn bản luật vẫn còn sẽ phải chỉnh sửa. Sự thay đổi về chính sách và luật tất nhiên sẽ ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Tuy nhiên, rủi ro về pháp luật liên quan đến cả một hệ thống, đòi hỏi các doanh nghiệp phải có những điều chỉnh để thích nghi.

Công ty đang tham gia vào thị trường điện cạnh tranh, việc thay đổi cơ chế trong thị trường điện sẽ có ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh.

Để giảm thiểu rủi ro về pháp luật, Công ty luôn duy trì việc cập nhật các quy định pháp luật mới đối với toàn bộ công nhân viên, đồng thời sẽ tham khảo thêm với các tổ chức tư vấn pháp luật khi cần thiết.



RỦI RO VỀ THỜI TIẾT

Rủi ro về điều kiện thời tiết là rủi ro chủ yếu và có ảnh hưởng lớn nhất đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na. Sản lượng điện và hiệu quả của nhà máy thủy điện phụ thuộc chính vào nguồn năng lượng nước có khả năng tái tạo, dự trữ.

Trong trường hợp hạn hán kéo dài, lượng mưa giảm cả trong mùa mưa, làm lượng nước tích trong hồ chứa thấp hơn so với năng lực thiết kế, ảnh hưởng lớn tới sản lượng điện sản xuất của các nhà máy. Ngoài ra, các thiên tai như lũ quét và mưa lớn có thể gây thiệt hại về đường giao thông và các công trình xây dựng của các nhà máy, gây ra sự cố trong việc phát điện và tăng chi phí sửa chữa. Tình hình cung ứng điện thay đổi theo mùa khô và mùa mưa, tác động đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Vì vậy, rủi ro về thời tiết tồn tại trong suốt thời gian hoạt động của Công ty.

Công ty luôn theo sát những dự báo khí hậu và thủy văn để có những phương án, chiến lược chào giá, vận hành hồ chứa, chế độ phát điện, nhân lực để vận hành nhà máy đạt công suất cao nhất có thể và đảm bảo mức tiêu hao nước/1kWh thấp nhất. Ngoài ra, Công ty cũng chuẩn bị những phương án phòng chống bão lụt, giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai gây ra đối với các công trình đường giao thông, đập và thực thi các biện pháp bảo vệ môi trường sinh thái.

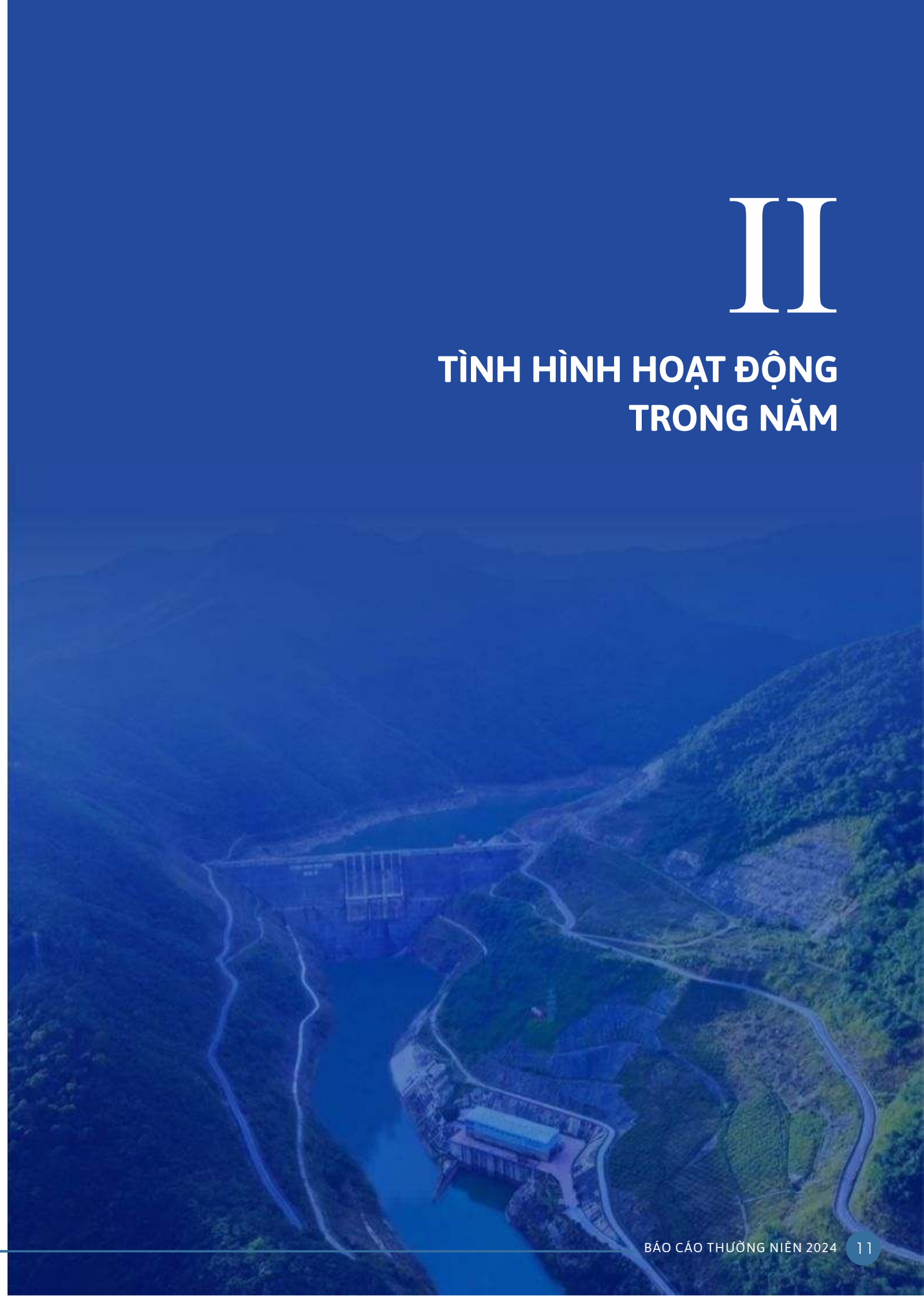
RỦI RO KHÁC

Các rủi ro khác như chiến tranh, thiên tai, hỏa hoạn, bệnh dịch,...là những rủi ro do bất khả kháng, mặc dù rất hiếm khi xảy ra, nhưng nếu xảy ra sẽ thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Đây là rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu. Vì vậy, Công ty thường xuyên theo dõi và nắm bắt các thông tin nhằm kịp thời đưa ra các biện pháp phòng tránh và xử lý, đồng thời luôn nghiêm túc tuân thủ các quy định, thường xuyên huấn luyện về PCCN, ATLĐ, đảm bảo thực hiện tốt công tác phòng cháy chữa cháy ...



II

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

STT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	THỰC HIỆN 2023	KẾ HOẠCH 2024	THỰC HIỆN 2024	TH/KH 2024	TH 2024/ TH 2023
1	Sản lượng điện	Tr.kWh	587,50	641,87	637,80	99%	109%
2	Doanh thu	Tỷ đồng	762,78	773,69	800,57	103%	105%
3	Tổng chi phí	Tỷ đồng	513,57	584,27	516,15	88%	101%
4	Lợi nhuận thực hiện trước thuế TNDN	Tỷ đồng	249,21	189,42	284,42	150%	114%
5	Lợi nhuận thực hiện sau thuế TNDN	Tỷ đồng	236,52	179,95	269,75	150%	114%
6	Nộp ngân sách Nhà nước	Tỷ đồng	174,15	183,77	164,19	89%	94%

VỀ THỦY VĂN



Lưu lượng nước trung bình năm
≈ 109,26/94,10 M3/S

bằng **116%** so với trung bình nhiều năm,
bằng **138%** so với năm 2023 (79 m3/s).

Điều kiện thủy văn năm 2024 trên lưu vực hồ
thủy điện Hòa Na tương đối thuận lợi

VỀ SẢN LƯỢNG ĐIỆN



Tổng sản lượng điện năm 2024
637,80 TRIỆU KWH

đạt **99%** kế hoạch
bằng **109%** so với năm 2023.

Trong đó sản lượng điện của Nhà máy
thủy điện Hòa Na là **635,13/619,59**
triệu kWh, đạt 103% kế hoạch, bằng
108% so với năm 2023).

DOANH THU, LỢI NHUẬN



Tổng doanh thu năm 2024
800,57 TỶ ĐỒNG

đạt **103%** kế hoạch, bằng **105%** so với
năm 2023 (762,78 tỷ đồng)



Lợi nhuận sau thuế
269,75 TỶ ĐỒNG

đạt **150%** kế hoạch
tăng **14%** so với năm 2023.

CÔNG TÁC TÀI CHÍNH



Các khoản nợ phải trả
499,23 TỶ ĐỒNG

Trong năm 2024, Công ty thu xếp đủ dòng tiền để thực hiện
trả nợ gốc, lãi vay cho các ngân hàng theo quy định của các
hợp đồng tín dụng, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh,
hoạt động đầu tư và chi trả cổ tức cho các cổ đông với **tỷ lệ**
10%, tương đương với số tiền là **235.232.210.000 đồng**.

TÌNH HÌNH QUẢN LÝ VẬN HÀNH,
SỬA CHỮA BẢO DƯỠNG, BẢO TRÌ

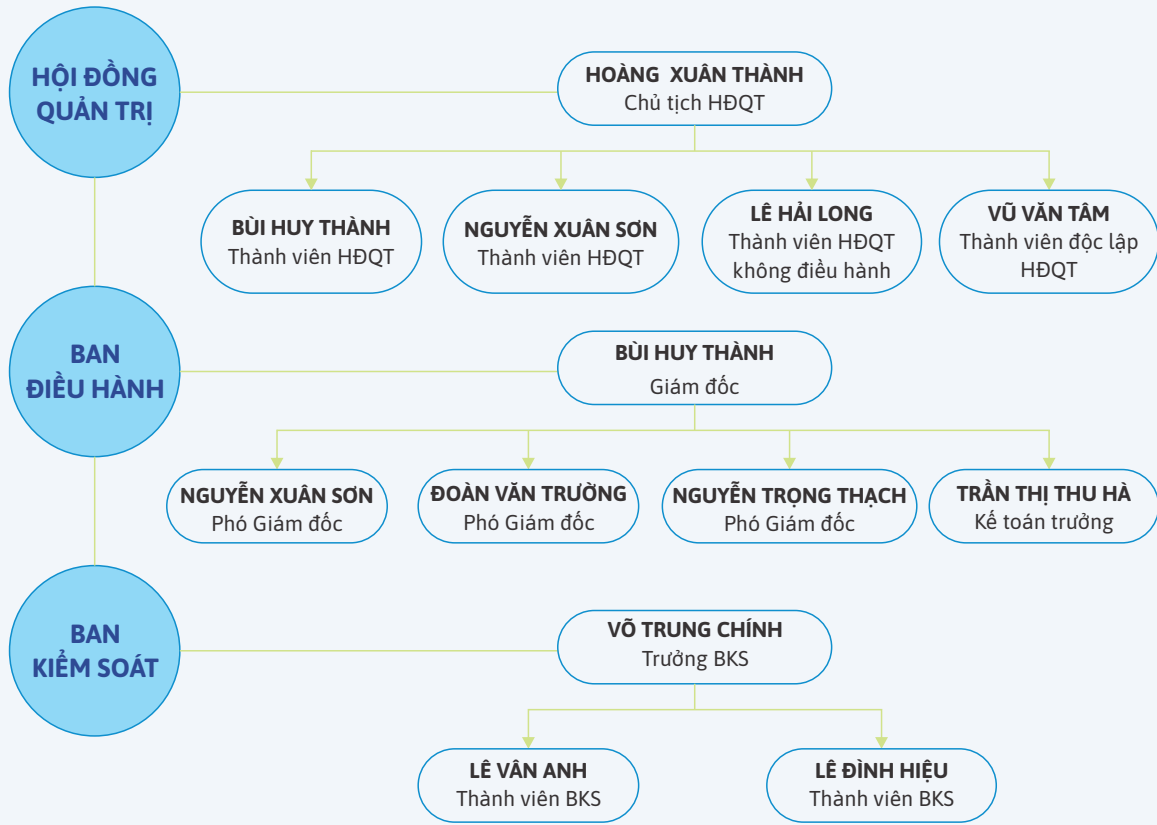
CÔNG TÁC VẬN HÀNH: Các Nhà máy vận hành an
toàn, đáp ứng nhu cầu huy động của hệ thống điện
Quốc gia. Đội ngũ CBCNV thực hiện đúng quy trình
và các yêu cầu kỹ thuật, an toàn trong quá trình
quản lý vận hành, sửa chữa thường xuyên nhà máy.

CÔNG TÁC BẢO DƯỠNG, SỬA CHỮA ĐỊNH KỲ (tiểu
tu) năm 2024 Nhà máy thủy điện Hòa Na thực hiện
đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng, an toàn, vệ sinh
trong quá trình thực hiện.

CÔNG TÁC BẢO TRÌ, BẢO DƯỠNG, SỬA CHỮA các
công trình/hạng mục công trình xây dựng: Đã hoàn
thành sửa chữa, bảo dưỡng, bảo trì các hạng mục
công trình xây dựng cần thiết, đảm bảo an toàn,
chất lượng và nâng cao hiệu quả kinh tế.

2. TỔ CHỨC NHÂN SỰ

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ BAN KIỂM SOÁT



TÓM TẮT LÝ LỊCH



HOÀNG XUÂN THÀNH
Chủ tịch HĐQT

- Ngày sinh: 13/6/1968
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế

- Quá trình công tác:**
- 9/1990 - 8/1991:** Cán bộ thanh tra tài chính - Sở Tài chính tỉnh Nghệ Tĩnh
 - 9/1991 - 4/1993:** Cán bộ thanh tra tài chính - Sở Tài chính tỉnh Hà Tĩnh
 - 5/1993 - 5/2007:** Thanh tra viên, thanh tra viên chính, phó chánh Thanh tra Tài chính - Sở Tài chính tỉnh Nghệ An.
 - 5/2007 - 12/2014:** Kế toán trưởng - Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na
 - 01/2015 - 4/2018:** Thành viên HĐQT, kiêm Phó Giám đốc Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na
 - 4/2018 - hiện nay:** Chủ tịch HĐQT - Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:** Không
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành:**
- Sở hữu cá nhân: 234.000 cổ phần chiếm 0,102% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện 85.922.760 cổ phần chiếm 36,527% vốn điều lệ (đại diện vốn của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP).



BÙI HUY THÀNH
Thành viên HĐQT, Giám đốc

- Ngày sinh: 30/4/1980
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ QTKD; Kỹ sư Thủy điện – Thủy Lợi

Quá trình công tác:

- 8/2006 - 7/2007: Cán bộ kỹ thuật - Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam
- 7/2007 - 7/2009: Cán bộ kỹ thuật - Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na
- 7/2009 - 11/2011: Phó phòng Kỹ thuật - Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na
- 11/2011 - 06/2013: Trưởng phòng Kỹ thuật - Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na
- 06/2013 - 4/2018: Thành viên BKS - Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na
- 8/2018 - 01/2023: Phó giám đốc - Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na
- Từ 01/2023 - hiện nay: Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na.

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành:

- Sở hữu cá nhân: 30.000 cổ phần chiếm 0,012% vốn điều lệ.
- Sở hữu đại diện: 34.650.000 cổ phần chiếm 14,730% vốn điều lệ (đại diện vốn của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP).

Quá trình công tác:

- 7/1987 - 6/1990: Cán bộ Kỹ thuật - Công ty Công Nông nghiệp 3-2, Nghệ An.
- 7/1990 - 12/1997: Đội trưởng sản xuất - Công ty Nông Công nghiệp 3-2, Nghệ An.
- 01/1998 - 4/2004: Trưởng phòng Sản xuất - Kinh doanh Công ty Nông Công nghiệp 3-2, Nghệ An.
- 5/2004 - 3/2007: Đội trưởng sản xuất - Công ty Nông Công nghiệp 3-2, Nghệ An.
- 4/2007 - 8/2007: Phó trưởng phòng Tổ chức - Hành chính Công ty cổ phần thủy điện Đakdrinh.
- 8/2007 - 12/2007: Phó trưởng phòng Tổ chức - Hành chính Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na
- 1/2008 - 4/2016: Trưởng phòng Tổ chức Hành chính - Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na
- 4/2016 - 4/2018: Phó Giám đốc - Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na
- 4/2018 - hiện tại: Thành viên HĐQT, Phó giám đốc Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na.

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành:

- Sở hữu cá nhân: 43.300 cổ phần chiếm 0,018% vốn điều lệ.
- Sở hữu đại diện: 34.650.000 cổ phần chiếm 14,730% vốn điều lệ (đại diện vốn của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP).



LÊ HẢI LONG
Thành viên HĐQT không điều hành

- Ngày sinh: 31/01/1971
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính doanh nghiệp; Kỹ sư xây dựng

Quá trình công tác:

- 01/1996 - 8/2001: Chuyên viên - Công ty xây dựng SunWay.
- 8/2001 - 11/2007: Kiểm toán viên - Công ty kiểm toán Việt Nam (VACO) thành viên Kiểm toán Deloitte.
- 11/2007 - 07/2008: Kiểm toán viên - Công ty TNHH kiểm toán VACO
- 7/2008 - 6/2012: Chuyên viên ban Tài chính kế toán và Kiểm toán - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam.
- 6/2012 - hiện nay: Phó Trưởng ban Tài chính Kế toán và Kiểm toán - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam.
- 6/2012 - 6/2013: Thành viên BKS - Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na.
- 06/2013 - 4/2018: Trưởng BKS - Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na.
- 4/2018 - hiện nay: Thành viên HĐQT - Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na.

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Phó Trưởng ban Tài chính Kế toán và Kiểm toán - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần.
- Sở hữu đại diện: 34.650.000 cổ phần chiếm 14,730% vốn điều lệ (đại diện vốn của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP).

Quá trình công tác:

- 02/2003-12/2005: Chuyên viên kinh tế phòng Quản lý Dự án - Ngân hàng TMCP Quân Đội.
- 12/2005-7/2007: Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần đầu tư An Lạc.
- 12/2005-7/2007: Thành viên HĐQT - Công ty CP thủy điện Za Hưng.
- 8/2007-hiện nay: Chủ tịch HĐQT, kiêm Tổng giám đốc Công ty cổ phần đầu tư Tài chính và BĐS Việt.
- 8/2020-hiện nay: Giám đốc Công ty cổ phần BÔ ĐỀ GA.
- 6/2018-hiện nay: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Vật tư Thiết bị Giao thông.
- 2/2016-hiện nay: Chủ tịch Công ty TNHH dược liệu Vũ Gia.
- 4/2018-hiện tại: Thành viên độc lập HĐQT Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

- Chủ tịch HĐQT, kiêm Tổng giám đốc Công ty cổ phần đầu tư Tài chính và BĐS Việt.
- Giám đốc Công ty cổ phần BÔ ĐỀ GA.
- Chủ tịch HĐQT Công ty CP vật tư thiết bị giao thông.
- Chủ tịch Công ty TNHH dược liệu Vũ Gia.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần.
- Sở hữu đại diện: 1.920.000 cổ phần chiếm 0,816% vốn điều lệ (đại diện vốn của Công ty cổ phần Đầu tư tài chính và BĐS Việt).



ĐOÀN VĂN TRƯỜNG
Phó giám đốc

- Ngày sinh: 10/5/1979
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng, Kỹ sư điện, Thạc sỹ quản lý kinh tế.

Quá trình công tác:

- 10/2003 - 2/2004: Cán bộ Kỹ thuật, Công ty Quản lý sửa chữa đường bộ Nghệ An.
- 3/2004 - 9/2005: Cán bộ Kỹ thuật, Xí nghiệp cơ giới và xây dựng - Công ty Xây dựng số 6.
- 10/2005 - 12/2007: Cán bộ Kỹ thuật, Công ty CP thủy điện Quế Phong.
- 01/2008 - 8/2009: Phụ trách phòng Kinh tế - Kế hoạch, Công ty cổ phần thủy điện Quế Phong.
- 9/2009 - 11/2011: Chuyên viên phòng Kinh tế - Kế hoạch, Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na.
- 12/2011-4/2012: Phó trưởng phòng Đền bù giải phóng mặt bằng, Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na.
- 5/2012 - 01/2019: Phó trưởng phòng Kinh tế - Kế hoạch, Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na.
- 02/2019 - 5/2021: Trưởng phòng Kinh tế - Kế hoạch, Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na.
- 6/2021 - hiện nay: Phó giám đốc Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành:

- Sở hữu cá nhân: 20.200 cổ phần chiếm 0,086% vốn điều lệ
- Sở hữu đại diện: Không



NGUYỄN TRỌNG THẠCH
Phó giám đốc

- Ngày sinh: 06/02/1972
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện kỹ thuật

Quá trình công tác:

- 3/1994 - 11/2004: Tổ trưởng quản lý cao thế chi nhánh điện huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.
- 11/2004 - 2/2005: Kỹ thuật viên ATCT Chi nhánh điện huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.
- 2/2005 - 12/2009: Đội phó đội xây lắp điện - Điện lực Hà Tĩnh
- 12/2009 - 4/2012: Phó Giám đốc Điện lực Thạch Hà
- 4/2012 - 5/2015: Giám đốc Điện lực Thạch Hà
- 5/2015-4/2020: Phó Giám đốc Công ty điện lực Dầu khí Hà Tĩnh
- 4/2020 - 11/2021: Phó Trưởng Ban ATSKMT Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP
- 11/2021 - hiện nay: Phó giám đốc Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành:

- Sở hữu cá nhân: Không
- Sở hữu đại diện: Không



TRẦN THỊ THU HÀ
Kế toán trưởng

- Ngày sinh: 23/9/1983
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán; Thạc sỹ quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

- 08/2006 - 6/2007: Nhân viên phòng Nghiệp vụ 1 - Công ty CP ĐT & Hợp tác kinh tế Việt Lào.
- 06/2007 - 10/2017: Nhân viên phòng Tài chính Kế toán - Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na
- 10/2017 - 04/2018: Phó phòng Tài chính Kế toán - Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na
- 04/2018 - 12/9/2022: Trưởng Ban kiểm soát - Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na
- 9/2022 - đến nay: Kế toán trưởng - Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na.

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành:

- Sở hữu cá nhân: 40.025 cổ phần chiếm 0,017% vốn điều lệ
- Sở hữu đại diện: Không.



VÕ TRUNG CHÍNH
Trưởng Ban kiểm soát

- Ngày sinh: 08/5/1974
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- 02/1995 - 6/2003: Cán bộ phòng Tài chính Kế toán - Công ty Lắp máy và Xây dựng 45-4
- 7/2003 - 7/2007: Phó phòng Tài chính kế toán - Công ty TNHH BOT Thủy điện Bảo Lộc
- 8/2007 - 12/2014: Phó phòng Tài chính kế toán - Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na
- 01/2015 - 9/2022: Kế toán trưởng - Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na
- 9/2022 - đến nay: Trưởng Ban kiểm soát - Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành:

- Sở hữu cá nhân: 204.300 cổ phần chiếm 0,087% vốn điều lệ
- Sở hữu đại diện: Không



LÊ ĐÌNH HIỆU
Thành viên Ban kiểm soát

- Ngày sinh: 18/3/1975
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản lý kinh tế

Quá trình công tác:

- 5/2005 - 09/2006: Trưởng bộ phận điều hành vận tải và du lịch - Công ty CP vận tải Đường sắt.
- 9/2006 - 10/2007: Chuyên viên Phòng Khách hàng Doanh nghiệp - Ngân hàng TMCP ACB Hà Nội.
- 8/2008 - 12/2009: Thành viên Ban kiểm soát - Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na.
- 5/2010 - 4/2013: Thành viên Ban kiểm soát - Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí.
- 4/2015 - 5/2017: Thành viên Ban kiểm soát - Công ty CP Thủy điện Sông Vàng.
- 10/2007 - hiện nay: Chuyên viên Ban tài chính kế toán và kiểm toán - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP.
- 04/2023 - hiện tại: Kiểm soát viên - Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na.

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chuyên viên Ban tài chính kế toán và kiểm toán - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành:

- Sở hữu cá nhân: 1.000 cổ phần chiếm 0,0004% vốn điều lệ
- Sở hữu đại diện: Không



LÊ VĂN ANH
Thành viên Ban kiểm soát

- Ngày sinh: 01/01/1982
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế đối ngoại

Quá trình công tác:

- 01/2008 - 11/2016: Chuyên viên phòng Phân tích và Tư vấn Đầu tư, Khối đầu tư, Phòng Đầu tư kinh doanh - Ngân hàng TMCP Quân Đội.
- 11/2016 - 04/2019: Chuyên viên cao cấp Trưởng bộ phận đầu tư tài chính, Phòng Đầu tư kinh doanh - Ngân hàng TMCP Quân Đội.
- 04/2019 - 03/2022: Chuyên gia Phòng Đầu tư kinh doanh, Khối đầu tư - Ngân hàng TMCP Quân Đội.
- 02/2022 - đến nay: Phó phòng Đầu tư kinh doanh, Khối đầu tư - Ngân hàng TMCP Quân Đội.
- 09/2022 - đến nay: Thành viên Ban kiểm soát - Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Phó phòng Đầu tư kinh doanh, Khối đầu tư - Ngân hàng TMCP Quân Đội.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành:

- Sở hữu cá nhân: Không
- Sở hữu đại diện: Không

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH:

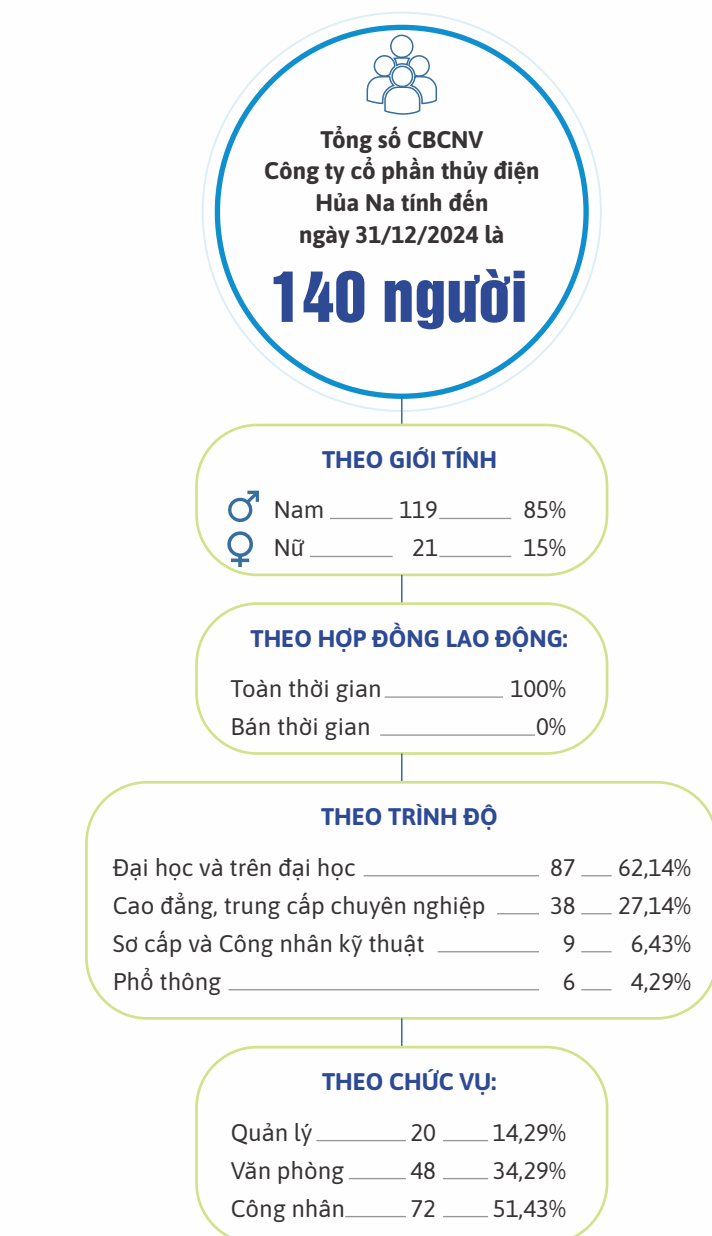
Trong năm 2024, trong Ban điều hành Công ty không có thay đổi về nhân sự.

NGUỒN NHÂN LỰC

Do đặc thù ngành nghề của công ty đòi hỏi kỹ thuật và địa bàn hoạt động tại các khu vực xa trung tâm nên số lượng lao động nữ ít hơn so với lao động nam. Cụ thể lao động nữ chiếm 15% so với tổng số CBCNV.

Là một công ty liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh điện nên số lượng công nhân của Công ty chiếm số lượng lớn trong cơ cấu của Công ty, chiếm 51,43%.

Nhân sự của Công ty có trình độ từ đại học trở lên chiếm 62,14% và cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp chiếm 27,14% cơ cấu nhân viên trong công ty tham gia vào công tác sản xuất của Công ty.



3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN NẬM NƠN

- Trong năm 2024, Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na đã thực hiện đầu tư mua Nhà máy thủy điện Nậm Nơn công suất 20 MW tại xã Xá Lượng, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An, cụ thể:
- Ngày 18/10/2024, Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na và Công ty cổ phần Tổng công ty phát triển năng lượng Nghệ An đã ký kết Hợp đồng chuyển nhượng Nhà máy thủy điện Nậm Nơn với giá chuyển nhượng (trước thuế) là 640 tỷ đồng.
 - Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na đã tiếp nhận bàn giao tài sản nhà máy thủy điện Nậm Nơn và ghi nhận sản lượng, doanh thu từ ngày 07/12/2024.



CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN CÁC DỊCH VỤ NGOÀI VÀ BÁN CHỨNG CHỈ I-REC

Công ty đã chủ động tiếp cận, làm việc với Công ty TNHH điện Nậm Sum 3 (Chủ đầu tư Dự án nhà máy thủy điện Nậm Sum 3) và đã ký hợp đồng "Đào tạo nhân viên vận hành nhà máy thủy điện Nậm Sum 3" với giá trị hợp đồng: 51.155,4 USD. Hiện nay, đã cơ bản hoàn thành các nội dung đào tạo theo hợp đồng đã ký.

Công tác tìm đối tác mua các chứng chỉ I-REC: Trong thời gian vừa qua, nắm bắt kịp thời được chủ trương, chính sách về phát triển năng lượng sạch và giảm phát thải nhà kính của thế giới và Việt Nam, Công ty đã chủ động tìm kiếm đối tác bán Chứng chỉ năng lượng xanh I-REC cho toàn bộ sản lượng điện thương mại sản xuất hàng năm, thu về ngoại tệ cho Công ty hơn 100.475,81 USD.



4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CHỈ TIÊU	Năm 2023 (VNĐ)	Năm 2024 (VNĐ)	% tăng, giảm (+/-)
Tổng giá trị tài sản	3.481.462.627.130	4.010.196.698.675	15,19%
Doanh thu thuần	748.752.815.653	788.945.850.435	5,37%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	249.343.901.909	283.962.651.789	13,88%
Lợi nhuận khác	(132.955.731)	456.533.283	-
Lợi nhuận trước thuế	249.210.946.178	284.419.185.072	14,13%
Lợi nhuận sau thuế	236.522.121.928	269.752.732.198	14,05%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	149,18%	87,20%	-

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2023	NĂM 2024	% THAY ĐỔI
1	CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	2,85	1,71	-40,00%
	Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn)	2,72	1,65	-39,34%
2	CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN			
	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,07	0,19	171,43%
	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,08	0,24	200%
3	CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG			
	Vòng quay hàng tồn kho	35,87	22,60	-36,99%
	Vòng quay khoản phải thu	2,70	3,27	21,11%
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	0,22	0,21	-4,55%
4	CHỈ TIÊU KHẢ NĂNG VỀ SINH LỜI			
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	31,59%	34,19%	8,23%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (%)	7,33%	8,32%	13,51%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (%)	6,79%	6,73%	-0,88%
	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (%)	33,30%	35,99%	8,08%

5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

CỔ PHẦN

Vốn điều lệ của Công ty	Tổng số cổ phần niêm yết	Tổng số cổ phần lưu hành
2.352.322.100.000 ĐỒNG	235.232.210 CỔ PHẦN	235.232.210 CỔ PHẦN
Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng	Cổ phiếu quỹ	Số cổ phần chuyển nhượng tự do
0 CỔ PHẦN	0 CỔ PHẦN	235.232.210 CỔ PHẦN
		Mệnh giá cổ phần
		10.000 ĐỒNG/1 CỔ PHẦN

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

THEO LOẠI HÌNH SỞ HỮU			
STT	ĐỐI TƯỢNG	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN	(TỶ LỆ %)
1	Cổ đông trong nước	235.231.210	100,000%
	Tổ chức	222.563.787	94,615%
	Cá nhân	12.667.423	5,385%
2	Cổ đông nước ngoài	1.000	0,001%
	Tổ chức	1.000	0,001%
	Cá nhân	0	0%

STT	ĐỐI TƯỢNG	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN	(TỶ LỆ %)
1	Cổ đông Nhà nước	0	0%
	Cổ đông lớn (sở hữu ≥ 5% vốn CP)	189.872.760	80,717%
	Trong nước	189.872.760	80,717%
2	Nước ngoài	0	0%
3	Các cổ đông khác	45.359.450	19,283%
	Trong nước	45.358.450	19,282%
	Nước ngoài	1.000	0,001%

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN					
STT	TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN	SỐ CMND/HỘ CHIẾU/ĐKKD	ĐỊA CHỈ	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN	TỶ LỆ/VĐL
1	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	0102276173	Tầng 8,9 Tòa nhà Viện Dầu khí, 167 Trung Kính, Cầu Giấy, Hà Nội	189.872.760	80,717%

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU



GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Không có

CHỨNG KHOÁN KHÁC

Không có



6. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để phục vụ sản xuất kinh doanh của công ty (vận hành Nhà máy thủy điện Hòa Na) trong năm 2024: Dầu bôi trơn được bổ sung cho các ổ tuabin – máy phát và các hệ thống khác khi vận hành trong năm 2024 với số lượng: 1.615 lít.

Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không.



TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: 809,368 MWh.

Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: 54,739 MWh.

Sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến: Không có.



TIÊU THỤ NƯỚC

Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Sử dụng nước mặt sông Chu để sản xuất điện; lượng nước mặt đã sử dụng để sản xuất điện năm 2024 vào khoảng: 2 tỷ m3.

Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không. Đơn vị chỉ khai thác sử dụng nước mặt sông Chu để sản xuất điện.



TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.



CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

- Tổng số lao động bình quân năm 2024 là: 119 người
- Mức lương bình quân năm 2024 là: 26,58 triệu đồng/người/tháng.

Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

- Chế độ làm việc: Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ với người lao động theo đúng quy định của Pháp luật về lao động. Thỏa ước lao động tập thể và các đặc thù đối với người lao động ngành điện.
- Chính sách tuyển dụng: Công ty đang thực hiện áp dụng chế độ ưu đãi, khuyến khích người lao động có trình độ, kinh nghiệm về công tác lâu dài tại Công ty.
- Chính sách lương thưởng và phúc lợi: Công ty có chính sách tiền lương, tiền thưởng, phúc lợi nhằm khuyến khích người lao động nhất là lao động có kinh nghiệm, lao động chuyên môn nghiệp vụ làm việc lâu dài tại công ty.

Hoạt động đào tạo người lao động

- Chính sách đào tạo: Công ty luôn coi trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực: i) Tăng cường liên kết với các đối tác trong và ngoài nước, các nhà cung cấp chế tạo thiết bị để tham quan, học hỏi và phối hợp tổ chức các khóa đào tạo kỹ thuật chuyên ngành trong vận hành, bảo trì sửa chữa và quản lý kỹ thuật Nhà máy thủy điện, đồng thời hợp tác đào tạo với các Công ty, Nhà máy trong cùng lĩnh vực; ii) Nâng cao chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ vận hành để chủ động hơn trong việc sửa chữa bảo dưỡng định kỳ và thường xuyên. Thực hiện nghiêm túc quy trình quản lý vận hành, có tính đến hiệu quả sử dụng nguồn nước, tiếp tục nâng cao hệ thống quy trình vận hành tránh rủi ro cho Nhà máy; iii) Xây dựng chương trình đào tạo bắt buộc (quản lý - kỹ thuật) cho cán bộ lãnh đạo đương chức, cán bộ nguồn trước khi bổ nhiệm, xây dựng tiêu chuẩn tuyển dụng đối với từng vị trí công việc. Cử cán bộ quản lý có trình độ, năng lực, phẩm chất đạo đức tốt đi học tập tại các trung tâm đào tạo; iv) Chuẩn bị nguồn nhân lực cao để sẵn sàng trong công việc tiếp nhận công tác bảo dưỡng sửa chữa Nhà máy điện.

Tình hình thực hiện: Năm 2024, Công ty đã tổ chức các lớp đào tạo chuyên sâu chuyên ngành, đào tạo phục vụ sản xuất kinh doanh, cấp chứng chỉ, hội thảo ... cho CBCNV Công ty với tổng giá trị là 1,286 tỷ đồng. Công tác đào tạo và phát triển nhân lực năm 2024 đã bám sát theo kế hoạch được phê duyệt, các lớp học được bố trí thời gian phù hợp để CBCNV tham gia đầy đủ, các khóa đào tạo đạt chất lượng, đảm bảo phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.



BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Trong năm 2024, Công ty thực hiện công tác an sinh xã hội với tổng số tiền khoảng 1 tỷ đồng, như sau: ủng hộ, giúp đỡ người nghèo tỉnh Nghệ An; Hỗ trợ chi phí xây dựng nhà ở đại đoàn kết cho người nghèo huyện Diễn Châu; hỗ trợ đồn biên phòng Thông Thụ; Hỗ trợ trường tiểu học Thông Thụ 2; Hỗ trợ máy tính phục vụ khám chữa bệnh cho trung tâm y tế huyện Quế Phong; hỗ trợ cho Công an xã Thông Thụ; hỗ trợ Đảng ủy – Hội đồng Nhân dân - Ủy ban mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể xã Đồng Văn; Hỗ trợ trường THPT Quế Phong; hỗ trợ công an xã Đồng Văn, ...



III

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

STT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	KẾ HOẠCH NĂM 2024	THỰC HIỆN NĂM 2024	TỶ LỆ HOÀN THÀNH %
1	Sản lượng điện thương mại	Tr.kwh	641,87	637,80	99%
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	773,69	800,57	103%
3	Tổng chi phí	Tỷ đồng	584,27	516,15	88%
4	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tỷ đồng	189,42	284,42	150%
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đồng	179,95	269,75	150%
6	Nộp ngân sách Nhà nước	Tỷ đồng	183,77	164,19	89%

Kiểm soát chặt chi phí sản xuất kinh doanh đảm bảo tiết kiệm và hiệu quả theo đúng quy định của pháp luật.

Công tác vận hành nhà máy, điều tiết hồ chứa thuận lợi do Nhà máy đều ở chế độ sẵn sàng vận hành theo huy động của hệ thống.

Công tác sửa chữa thường xuyên, bảo dưỡng công trình thiết bị được tiến hành đều đặn, theo đúng kế hoạch. Đối với những hạng mục cần thiết phải làm ngay sẽ triển khai tự làm (nếu được) hoặc thuê đơn vị ngoài. Đối với các hạng mục bảo trì thuộc kế hoạch năm nhưng chưa bị hỏng hóc

theo dự kiến, hoặc chưa ảnh hưởng đến quá trình hoạt động sản xuất thì Công ty chủ động lùi lại thời gian thích hợp để cân đối nguồn chi phí, ưu tiên cho những công việc thích hợp, cần thiết hơn. Trong công tác bảo trì cũng như các công tác khác sử dụng dịch vụ, Công ty luôn thực hiện đầy đủ quy trình, hồ sơ, thủ tục theo quy định.

Công tác điều hành quản lý vận hành chấp hành tốt các quy trình, quy phạm, nội dung, quy định của Công ty. Trong năm Công ty đã đảm bảo được an toàn trong sản xuất, vận hành đúng phương thức, không để xảy ra cháy nổ và tai nạn lao động.

NHỮNG TIẾN BỘ, KẾT QUẢ ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

Ban điều hành luôn luôn bám sát, chỉ đạo công tác thị trường điện để chào giá tối ưu và tiết kiệm nước đem lại lợi nhuận cao nhất từ thị trường điện, với kết quả đạt được như sau:

Về thủy văn: nửa cuối năm 2024 thủy văn trên lưu vực hồ thủy điện Hòa Na tương đối thuận lợi, lưu lượng nước trung bình năm về hồ đạt khoảng 109,26/94,10 m3/s, bằng 116% so với trung bình nhiều năm, bằng 138% so với năm 2023 (79 m3/s).

Về sản lượng điện: Với tình hình thủy văn như trên, sản lượng điện thương mại trong năm là 637,80 triệu kWh đạt 99% kế hoạch (NMTĐ Hòa Na đạt 635,13/619,59 triệu kWh, bằng 103% kế hoạch).

Doanh thu: Dự đoán được tình hình thủy văn diễn ra bất thường, chu kỳ thủy văn thay đổi trong năm nên nhà máy đã có chiến lược, tính toán chào giá chạy máy để khai thác tối đa hiệu quả nguồn nước, nên tổng doanh thu là 800,57 tỷ đồng, đạt 103% kế hoạch.

Lợi nhuận: Đối diện với nhiều khó khăn phức tạp, Công ty luôn chú trọng kiểm soát chặt chẽ chi phí, thực hành tiết giảm, tiết kiệm chi phí, chống lãng phí nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, giảm giá thành sản phẩm. Chỉ thực hiện những hạng mục thực sự cần thiết, mang lại hiệu quả. Kết quả lợi nhuận sau thuế là 269,75 tỷ đồng, đạt 150% so với kế hoạch.

Công tác lao động tiền lương:

- Tổng số lao động bình quân năm 2024 là: 119 người
- Mức lương bình quân năm 2024 là: 26,58 triệu đồng/người/tháng.

2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CÁC CHỈ TIÊU CHÍNH

Đơn vị tính: đồng

STT	CHỈ TIÊU	31/12/2023	31/12/2024	% 2024/2023
1	Tài sản ngắn hạn	465.699.762.533	624.050.350.473	134,00%
-	Tiền và các khoản tương đương tiền	92.664.874.209	416.932.431.896	449,94%
-	Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	
-	Các khoản phải thu ngắn hạn	350.715.891.733	131.901.447.943	37,61%
-	Hàng tồn kho	20.422.590.130	20.863.838.125	102,16%
-	Tài sản ngắn hạn khác	1.896.406.461	54.352.632.509	2866,09%
2	Tài sản dài hạn	3.015.762.864.597	3.386.146.348.202	112,28%
-	Tài sản cố định	2.972.328.274.348	3.324.886.412.427	111,86%
-	Tài sản dở dang dài hạn	37.916.615.968	56.556.578.932	149,16%
-	Tài sản dài hạn khác	5.517.974.281	4.703.356.843	85,24%
	Tổng tài sản (1+2)	3.481.462.627.130	4.010.196.698.675	115,19%
3	Nợ phải trả	254.548.282.453	767.195.073.800	301,39%
-	Nợ ngắn hạn	163.622.258.490	365.350.434.462	223,29%
-	Nợ dài hạn	90.926.023.963	401.844.639.338	441,95%

TÀI SẢN

Nhìn chung, tài sản của Công ty có biến động giữa các năm. Tính đến 31/12/2024, tổng tài sản của Công ty là hơn 4.010 tỷ đồng, tăng so với năm 2023. Trong đó tài sản ngắn hạn tăng 34%, tài sản dài hạn tăng 12,28%.

Trong cơ cấu tài sản ngắn hạn, tiền và các khoản tương đương với tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn chiếm tỷ trọng khá lớn 67,58%, đảm bảo khả năng thanh toán ngắn hạn của Công ty. Các khoản khác lần lượt là các khoản phải thu ngắn hạn và hàng tồn kho.

NỢ PHẢI TRẢ

Đến thời điểm 31/12/2024, các khoản nợ phải trả của Công ty là hơn 767 tỷ đồng, tăng so với năm 2023. Trong năm 2024, Công ty không phát sinh các khoản nợ quá hạn và chậm thanh toán.



3. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Năm 2024, Ban lãnh đạo và đội ngũ cán bộ quản lý trong công ty đã phát huy tốt kỹ năng tổ chức, quản lý, phù hợp với tình hình thị trường. Điều đó đã củng cố vững chắc văn hóa doanh nghiệp, thay đổi tầm nhìn, phương hướng và chiến lược tiến tới xây dựng một nền tảng vững chắc cho việc phát triển trong tương lai của Công ty.

Trong công tác quản lý, Công ty đã tổ chức thực hiện các công việc cần thiết như ổn định tình hình nhân sự, rà soát và bổ sung những quy trình quản lý nghiệp vụ trong mọi hoạt động tiến tới ổn định và tăng cường hiệu quả trong công tác quản lý.

Không ngừng bổ sung và hoàn thiện hệ thống văn bản quản trị doanh nghiệp trên cơ sở cập nhật các quy định của pháp luật và tình hình hoạt động thực tế của Công ty, kịp thời điều chỉnh để đạt hiệu quả cao nhất.

Công tác quản trị của Công ty tuân thủ và đáp ứng yêu cầu quy định của Nhà nước. Công ty đảm bảo môi trường, điều kiện về kiểm soát, kiểm toán. Các báo cáo tài chính được lập trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật, phản ánh trung thực, chính xác hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc có đủ năng lực và phẩm chất, không có những xung đột giữa lợi ích cá nhân với lợi ích của Công ty, hoạt động hiệu quả với vai trò, chức năng của mình góp phần giúp Công ty hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm. Công ty luôn nỗ lực và chú trọng công tác cải tiến hoạt động quản trị Công ty, hướng tới áp dụng thành công các hệ thống quản trị công ty tốt như: Nâng cao hiệu quả quản trị của Hội đồng quản trị, hoạt động giám sát của Ban kiểm soát, áp dụng công tác chuyển đổi số để hỗ trợ quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh.



4. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na với một số chỉ tiêu chính như sau:

STT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	KẾ HOẠCH SXKD 2025
1	Sản lượng điện thương mại	Tr.kwh	685,3
-	Nhà máy thủy điện Hòa Na	Tr.kwh	625,3
-	Nhà máy thủy điện Nậm Nơn	Tr.kwh	60,0
2	Các chỉ tiêu tài chính		
2.1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	2.352,3
2.2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	828,7
-	Doanh thu phát điện	Tỷ đồng	822,9
+	Nhà máy thủy điện Hòa Na	Tỷ đồng	743,7
+	Nhà máy thủy điện Nậm Nơn	Tỷ đồng	79,3
-	Doanh thu tài chính + khác	Tỷ đồng	5,8
2.3	Tổng chi phí	Tỷ đồng	633,6
2.4	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tỷ đồng	195,1
2.5	Thuế TNDN	Tỷ đồng	9,8
2.6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đồng	185,3
-	Tỷ suất lợi nhuận/VĐL	%	8%
3	Đào tạo	Tỷ đồng	1,9
4	Giá thành (bao gồm thuế phí)	đồng/kWh	924,6
5	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	199,1
6	Kế hoạch đầu tư và mua sắm TSCĐ, TTB	Tỷ đồng	239,8
7	Lao động	Người	143,0
8	Quỹ tiền lương, thưởng vận hành	Tỷ đồng	62,3
9	Năng suất lao động bình quân	Tr.đ/ng/tháng	150,0
10	Tỷ lệ chia cổ tức (10%)	Tỷ đồng	235,2

CÁC NHIỆM VỤ CHÍNH CẦN THỰC HIỆN

Tổ chức quản lý, vận hành nhà máy thủy điện Hòa Na, nhà máy thủy điện Nậm Nơn luôn đảm bảo độ khả dụng cao, vận hành an toàn, ổn định và tin cậy. Phối hợp tốt với NSMO/NSO và EVN/EPTC để vận hành phát điện nhằm tối ưu doanh thu và lợi nhuận.

Kiểm soát chặt chẽ chi phí, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, giảm giá thành sản phẩm. Chỉ thực hiện những hạng mục thực sự cần thiết, mang lại hiệu quả cho Công ty.

Công tác bảo dưỡng sửa chữa định kỳ: Thực hiện sửa chữa định kỳ (đại tu) Nhà máy thủy điện Hòa Na vào tháng 3-5/2025 theo kế hoạch.

Mua sắm tài sản cố định: Căn cứ vào tình hình thực tế và dòng tiền của Công ty để đầu tư xây dựng một số hạng mục

để phục vụ hoạt động quản lý vận hành tại các nhà máy đảm bảo an toàn, hiệu quả.

Mua sắm vật tư, thiết bị: Trên cơ sở tình hình thực tế và kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa, tiến hành triển khai mua sắm vật tư, dụng cụ phục vụ sửa chữa thường xuyên, vật tư thiết bị phục vụ công tác sửa chữa định kỳ 02 Nhà máy, vật tư thiết bị dự phòng chiến lược, các vật tư công cụ cần thiết khác đảm bảo phục vụ sản xuất kinh doanh liên tục và an toàn, hạn chế tồn kho gây lãng phí nguồn vốn.

Kế hoạch chia cổ tức 10% cho các cổ đông.

Tiếp tục nghiên cứu, tìm kiếm đầu tư các dự án thủy điện vừa và nhỏ có hiệu quả và các dự án năng lượng tái tạo góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững cho Công ty.

GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Tăng cường thực hiện các công tác đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, khuyến khích tạo điều kiện cho CBCNV tích cực tham gia các hội thảo, chuyên đề nghiên cứu, cải tiến trong sản xuất để đảm bảo vận hành các nhà máy an toàn, ổn định giảm tối đa thời gian dừng máy do sửa chữa và sự cố; nâng cao năng lực quản lý của Công ty; tuân thủ các quy định của Nhà nước, Tập đoàn/Tổng công ty và Công ty.

Căn cứ tình hình thực tế và dự báo thủy văn để có kế hoạch chào giá trong thị trường điện và vận hành các tổ máy trong thị trường phát điện cạnh tranh để đạt doanh thu tối ưu.

Chuẩn bị đầy đủ vật tư và vật tư dự phòng để phục vụ sửa chữa và sự cố. Phối hợp chặt chẽ với đơn vị bảo dưỡng, sửa chữa để có biện pháp xử lý kịp thời mọi tình huống bất thường xảy ra, đảm bảo hạn chế mức thấp nhất sự cố.

Triển khai đôn đốc thực hiện tốt công tác an toàn vệ sinh môi trường và phòng chống cháy nổ.

Lập và triển khai kế hoạch phòng chống lụt, bão năm 2025 nhằm ứng phó kịp thời với tình hình phức tạp của mưa lũ, đảm bảo an toàn công trình và tính mạng con người.

Tăng cường kiểm soát chi phí/giá thành, rà soát thường xuyên định mức kinh tế kỹ thuật, định mức chi phí phù hợp với thực tế và thực hành tiết kiệm.

Tăng cường công tác quản lý vốn, tài sản hợp lý có hiệu quả, chủ động thu xếp nguồn vốn đảm bảo đủ, đáp ứng cho nhu cầu sản xuất kinh doanh và đầu tư.

Đẩy mạnh công tác chuyển đổi số trong quản trị và điều hành doanh nghiệp, trong công tác quản lý vận hành các Nhà máy.

5. GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Ý kiến của kiểm toán đối với Báo cáo tài chính năm 2024 là ý kiến chấp thuận toàn phần, vì vậy, Ban Giám đốc không có giải trình đối với ý kiến kiểm toán.

6. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải ...): Công ty luôn tuân thủ pháp luật về môi trường.

Đánh giá liên quan đến các vấn đề người lao động: Công ty đã thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người lao động theo đúng các quy định hiện hành.

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Công ty đã tốt công tác an sinh xã hội đối với cộng đồng địa phương.

IV

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Năm 2024 với chiến lược chào giá hợp lý, chạy máy vào các thời điểm có giá thị trường cao. Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được duyệt, cụ thể doanh thu là 800,57 tỷ đồng, đạt 103% kế hoạch; Lợi nhuận sau thuế là 269,75 tỷ đồng, đạt 150% kế hoạch.

Công tác phòng chống lụt bão thực hiện tốt và chủ động theo quy định nên giảm thiểu tốt đa thiệt hại do bão lũ gây ra.

Công tác quản lý vận hành được thực hiện tốt, người lao động chấp hành tốt các quy trình, quy phạm, các nội quy, quy định của Công ty. Trong năm, Công ty đã đảm bảo được an toàn trong sản xuất, vận hành đúng phương thức, không để xảy ra cháy nổ và tai nạn lao động.

Công tác bảo dưỡng, sửa chữa công trình, thiết bị thực hiện đảm bảo chất lượng và tiến độ, góp phần duy trì nhà máy vận hành ổn định, an toàn và hiệu quả, hạn chế được các hư hỏng phát sinh trong vận hành.

Công ty đã thực hiện nhiều biện pháp để giảm chi phí, hạ giá thành.

Công tác đầu tư, mua sắm các thiết bị đã được thực hiện theo đúng kế hoạch, đảm bảo chất lượng và tiến hành theo đúng quy định của Pháp luật.

Đặc biệt trong năm 2024, Công ty đã hoàn thành công tác đầu tư mua Nhà máy thủy điện Nậm Nơn công suất 20 MW tại xã Xá Lượng, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An.

Công ty đã thực hiện tốt công tác phát triển các dịch vụ ngoài và bán chứng chỉ I-REC.

Trách nhiệm đối với môi trường và xã hội: i) Công ty luôn tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, đặc biệt quan tâm chú trọng việc báo cáo giám sát chất lượng môi trường định kỳ về các chỉ tiêu nước thải, chất thải nguy hại, độ ồn, độ bụi, ... ii) Song song với việc sản xuất kinh doanh, Công ty đã thực hiện tốt công tác an sinh xã hội, tham gia các hoạt động vì người nghèo,...



2. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Với vai trò, trách nhiệm và quyền hạn của mình, Hội đồng quản trị đã tích cực trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và giám sát Giám đốc trong các hoạt động cụ thể như sau: Hội đồng quản trị luôn theo dõi sát sao các hoạt động của Giám đốc, kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị nhằm tạo điều kiện cho hoạt động điều hành của Ban Giám đốc; Yêu cầu Giám đốc tăng cường công tác chỉ đạo thực hiện và thường xuyên báo cáo Hội đồng quản trị về các hoạt động của Công ty nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh năm 2024 và xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025.

Trong năm 2024, Ban giám đốc đã có nhiều nỗ lực trong việc triển khai và thực hiện tốt các nội dung theo Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng quản trị. Giám đốc đã tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư của Công ty một cách hiệu quả, mang lại lợi ích thiết thực cho Công ty thông qua các chỉ tiêu kinh tế tài chính và kết quả đầu tư đã đạt được. Lợi nhuận từ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh đã góp phần tích lũy được nguồn vốn, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao nộp ngân sách nhà nước, ổn định thu nhập cho người lao động.

3. KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trên cơ sở kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 với các chỉ tiêu chính như sau: Sản lượng điện phân đấu đạt 685,3 triệu kWh, tổng doanh thu 828,7 tỷ đồng, tổng chi phí 633,6 tỷ đồng, tổng lợi nhuận trước thuế 195,1 tỷ đồng. Để hoàn thành các chỉ tiêu nói trên, Hội đồng quản trị xác định mục tiêu như sau:

Vận hành, phát điện liên tục, an toàn và ổn định Nhà máy thủy điện Hòa Na và Nhà máy thủy điện Nậm Nơn.

Tham gia thị trường phát điện cạnh tranh, tính toán chào giá hợp lý, khai thác tối ưu hồ chứa thủy điện Hòa Na để đạt sản lượng và doanh thu cao nhất trong thị trường điện cạnh tranh.

Chủ động vận hành linh hoạt các tổ máy Nhà máy thủy điện Nậm Nơn, khai thác tối đa công suất trong các giờ cao điểm.

Thực hiện các giải pháp quản lý kỹ thuật để không ngừng nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Triển khai đơn đốc thực hiện tốt công tác an toàn, bảo hộ lao động và vệ sinh lao động.

Lập và triển khai kế hoạch phòng chống lụt, bão năm 2025 nhằm ứng phó kịp thời với tình hình phức tạp của mưa lũ, đảm bảo an toàn các công trình và tính mạng con người.





QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH TRONG HĐQT	SỐ CỔ PHẦN		TỶ LỆ NẤM GIỮ CỔ PHẦN	CHỨNG KHOÁN KHÁC DO CÔNG TY PHÁT HÀNH SỞ HỮU	CHỨC DANH TẠI CÔNG TY KHÁC
			SỐ HỮU CÁ NHÂN	ĐẠI DIỆN PHÁP NHÂN			
1	Hoàng Xuân Thành	Chủ tịch HĐQT	240.000	85.922.760	36,629%	Không	Không
2	Bùi Huy Thành	Thành viên HĐQT	30.000	34.650.000	14,742%	Không	Không
3	Nguyễn Xuân Sơn	Thành viên HĐQT	43.300	34.650.000	14,749%	Không	Không
4	Lê Hải Long	Thành viên HĐQT không điều hành	0	34.650.000	14,730%	Không	Phó Ban TC-KT PV Power
5	Vũ Văn Tâm	Thành viên HĐQT độc lập	0	1.920.000	0,816%	Không	(*)

(*) Chức danh tại Công ty khác của Ông Vũ Văn Tâm – Thành viên độc lập HĐQT:

- Chủ tịch HĐQT, kiêm Tổng giám đốc Công ty cổ phần đầu tư Tài chính và BĐS Việt.
- Giám đốc Công ty cổ phần BÔ ĐỀ GA.
- Chủ tịch HĐQT Công ty CP vật tư thiết bị giao thông.
- Chủ tịch Công ty TNHH được liệu Vũ Gia.

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ: Không có

HĐQT không thành lập các tiểu ban trực thuộc mà thành lập Ban kiểm soát nội bộ trực thuộc HĐQT và được giao chức năng, nhiệm vụ là bộ phận tham mưu, giúp việc cho HĐQT trong công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty. HĐQT đã ban hành Quy chế kiểm toán nội bộ theo Thông tư số 66/2020/TT-BTC ngày 10/7/2020 của Bộ Tài chính.

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2024, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na đã tiến hành 06 cuộc họp định kỳ và chuyên đề. Các cuộc họp đều tuân thủ đúng Pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, kết thúc mỗi cuộc họp đều lập biên bản và ra nghị quyết giao Giám đốc Công ty tổ chức triển khai thực hiện.



DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ THAM GIA DỰ HỌP					
STT	THÀNH VIÊN HĐQT	CHỨC VỤ	NGÀY BẮT ĐẦU/ KHÔNG CÒN LÀ TV HĐQT	SỐ BUỔI HỌP THAM DỰ	TỶ LỆ THAM DỰ HỌP
1	Hoàng Xuân Thành	Chủ tịch HĐQT	19/4/2018; 21/4/2023 tiếp tục được bầu với nhiệm kỳ 2023-2028	6/6	100%
2	Bùi Huy Thành	Thành viên HĐQT	Ngày bắt đầu là TV HĐQT: 01/01/2023	6/6	100%
3	Nguyễn Xuân Sơn	Thành viên HĐQT	19/4/2018; 21/4/2023 tiếp tục được bầu với nhiệm kỳ 2023-2028	6/6	100%
4	Lê Hải Long	Thành viên HĐQT	19/4/2018; 21/4/2023 tiếp tục được bầu với nhiệm kỳ 2023-2028	6/6	100%
5	Vũ Văn Tâm	Thành viên HĐQT	19/4/2018; 21/4/2023 tiếp tục được bầu với nhiệm kỳ 2023-2028	6/6	100%

DANH SÁCH CÁC NGHỊ QUYẾT BAN HÀNH TẠI CÁC CUỘC HỌP			
STT	SỐ NGHỊ QUYẾT	NGÀY	NỘI DUNG
1	01-2024/NQ-HHC-HĐQT	13/3/2024	Nghị quyết cuộc họp định kỳ quý I năm 2024 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na.
2	02-2024/NQ-HHC-HĐQT	15/8/2024	Nghị quyết cuộc họp định kỳ quý II năm 2024 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na.
3	03-2024/NQ-HHC-HĐQT	29/11/2024	Nghị quyết cuộc họp định kỳ quý III năm 2024 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na.
4	04-2024/NQ-HHC-HĐQT	27/12/2024	Nghị quyết cuộc họp định kỳ quý IV năm 2024 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na.
5	31/NQ-HHC-HĐQT	30/5/2024	Thông qua Đầu tư mua tài sản Nhà máy thủy điện Nậm Nơn, công suất 20MW tại huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An.
6	57/NQ-HHC-HĐQT	17/9/2024	Rà soát các nội dung trong công tác đầu tư mua Nhà máy thủy điện nậm Nơn, công suất 20MW tại huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An.

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập tuy không tham gia điều hành Công ty nhưng vẫn giữ chức năng giám sát các hoạt động của Ban điều hành và tình hình của Công ty theo đúng trách nhiệm của mình, tuân thủ Pháp luật, Điều lệ công ty và quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Năm 2024, thành viên độc lập Hội đồng quản trị đã thực hiện việc giám sát đúng và đầy đủ, yêu cầu xem xét các báo cáo, đánh giá những vấn đề phát sinh, tham gia các cuộc họp Hội đồng quản trị; thông qua đó, việc giám sát vẫn được thường xuyên, liên tục, khách quan.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÓ CHỨNG CHỈ VỀ ĐÀO TẠO QUẢN TRỊ CÔNG TY

5/5 thành viên

2. BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH TRONG BKS	TỶ LỆ NẤM GIỮ CP CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT	CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC DO CÔNG TY PHÁT HÀNH SỞ HỮU
1	Võ Trung Chính	Trưởng BKS	0,087%	Không
2	Lê Đình Hiệu	Thành viên BKS	0,001%	Không
3	Lê Văn Anh	Thành viên BKS	0%	Không

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2024, Ban kiểm soát đã thực hiện 02 cuộc kiểm tra, giám sát để đảm bảo công ty thực hiện đúng theo Luật doanh nghiệp, Luật lao động, Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông, Nghị quyết Hội đồng quản trị.

Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị. Các báo cáo kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát đều được gửi tới các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty.

Ngoài ra Ban kiểm soát còn tham dự vào các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến đóng góp về hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như việc điều hành và quản trị công ty.

Ban kiểm soát chủ động phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc về công tác thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như công tác hạch toán, kế toán.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc luôn tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát trong việc thu thập thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Công ty đã thực hiện tuân thủ các quy định về công tác kế toán tài chính theo quy định của pháp luật.

Công ty cần tiếp tục thực hiện tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh, cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, tính hệ thống nhất quán và phù hợp trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả kiểm tra, giám sát tại Công ty.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính năm 2024 thuộc trách nhiệm của Ban giám đốc Công ty; Ban kiểm soát căn cứ vào các quy định của Luật kế toán, Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán hiện hành, Chính sách tài chính của Nhà nước và Quy chế tài chính của Công ty để thực hiện kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng kỹ thuật kiểm tra cần thiết, các bằng chứng xác minh cho các số liệu thuyết minh trên báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và các chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo. Ban kiểm soát cho rằng công việc thẩm định đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho các ý kiến nhận xét và kiến nghị đúng với chức năng nhiệm vụ của mình theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Những hoạt động đầu tư, kinh doanh của Công ty, Ban kiểm soát không trực tiếp tham gia quản trị điều hành, các hoạt động của Ban kiểm soát chỉ dựa trên cơ sở hồ sơ, chứng từ do Công ty cung cấp.

3. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

LƯƠNG, THƯỜNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

LƯƠNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT CHUYÊN TRÁCH, GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ:				
STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ THÁNG	TỔNG THU NHẬP TRONG NĂM (Đồng)
1	Hoàng Xuân Thành	Chủ tịch HĐQT	12	1.229.564.839
2	Bùi Huy Thành	Thành viên HĐQT, Giám đốc	12	1.177.344.984
3	Nguyễn Xuân Sơn	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc	12	1.125.287.203
4	Đoàn Văn Trường	Phó Giám đốc	12	1.081.065.104
5	Nguyễn Trọng Thạch	Phó Giám đốc	12	1.124.822.198
6	Trần Thị Thu Hà	Kế toán trưởng	12	1.051.956.695
7	Võ Trung Chính	Trưởng BKS	12	1.074.756.695

THÙ LAO THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KHÔNG CHUYÊN TRÁCH, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT:				
STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ THÁNG	THÙ LAO TRONG NĂM (Đồng)
1	Lê Hải Long	Thành viên HĐQT	12	123.611.111
2	Vũ Văn Tâm	Thành viên độc lập HĐQT	12	123.611.111
3	Lê Văn Anh	Thành viên BKS	12	87.055.556
4	Lê Đình Hiệu	Thành viên BKS	12	87.055.556

GIAO DỊCH CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN
ĐỐI VỚI CỔ PHIẾU CỦA CÔNG TY

STT	NGƯỜI THỰC HIỆN GIAO DỊCH	QUAN HỆ VỚI NGƯỜI NỘI BỘ	SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU ĐẦU KỲ		SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU CUỐI KỲ		LÝ DO TĂNG, GIẢM (MUA, BÁN, CHUYỂN ĐỔI, THƯỜNG ...)
			SỐ CỔ PHIẾU	TỶ LỆ	SỐ CỔ PHIẾU	TỶ LỆ	
1	Hoàng Xuân Thành	Chủ tịch Hội đồng quản trị	240.000	0,102%	234.000	0,099%	bán
2	Trần Thị Vân	Vợ ông Nguyễn Xuân Sơn	18.500	0,008%	0	0%	bán
3	Nguyễn Thị Thu Hằng	Thành viên bộ phận kiểm toán nội bộ	434.700	0,184%	411.600	0,175%	bán
4	Đoàn Văn Trường	Phó giám đốc	20.000	0,0085%	20.200	0,0086%	mua

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ VÀ
NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN TỚI NGƯỜI NỘI BỘ

STT	BÊN LIÊN QUAN	LOẠI GIAO DỊCH	GIÁ TRỊ GIAO DỊCH (ĐỒNG)	NĂM THỰC HIỆN	MỐI QUAN HỆ
1	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP (PV Power)	Phí bảo lãnh	47.471.181	2024	PV Power là công ty mẹ của HNA, đồng thời là bên liên quan của người nội bộ
		Chia cổ tức	189.872.760.000		

VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Tuân thủ Quy chế quản trị Công ty.

VI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Nghệ An, tháng 03 năm 2025

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 26

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na ("Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Hoàng Xuân Thành	Chủ tịch
Ông Bùi Huy Thành	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Sơn	Thành viên
Ông Lê Hải Long	Thành viên
Ông Vũ Văn Tâm	Thành viên HĐQT độc lập

Ban Giám đốc

Ông Bùi Huy Thành	Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Sơn	Phó giám đốc
Ông Đoàn Văn Trường	Phó giám đốc
Ông Nguyễn Trọng Thạch	Phó giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và áp dụng kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Bùi Huy Thành
Giám đốc

Nghệ An, ngày 11 tháng 03 năm 2025



Số: 65/2025/BCKT-AVI-TC1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 11/03/2025, từ trang 4 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Vũ Bình Minh
Tổng giám đốc
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 0034-2023-055-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT
Hà Nội, ngày 11 tháng 03 năm 2025

Đoàn Thu Hằng
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 1396-2023-055-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
TẠI NGÀY 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B01 - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		624.050.350.473	465.699.762.533
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	416.932.431.896	92.664.874.209
1. Tiền	111		136.932.431.896	6.864.874.209
2. Các khoản tương đương tiền	112		280.000.000.000	85.800.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		131.901.447.943	350.715.891.733
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	126.868.777.106	345.898.650.093
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	4.012.072.120	4.457.994.479
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	1.020.598.717	359.247.161
III. Hàng tồn kho	140	9	20.863.838.125	20.422.590.130
1. Hàng tồn kho	141		20.863.838.125	20.422.590.130
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		54.352.632.509	1.896.406.461
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	7.497.411.393	489.386.417
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		46.855.221.116	1.407.020.044
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.386.146.348.202	3.015.762.864.597
I. Tài sản cố định	220		3.324.886.412.427	2.972.328.274.348
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	3.324.886.412.427	2.972.328.274.348
- Nguyên giá	222		6.540.789.975.953	5.897.151.831.242
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.215.903.563.526)	(2.924.823.556.894)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		56.556.578.932	37.916.615.968
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	56.556.578.932	37.916.615.968
V. Tài sản dài hạn khác	260		4.703.356.843	5.517.974.281
1. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		4.703.356.843	5.517.974.281
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		4.010.196.698.675	3.481.462.627.130

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

MẪU SỐ B01 - DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		767.195.073.800	254.548.282.453
I. Nợ ngắn hạn	310		365.350.434.462	163.622.258.490
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	197.866.212.865	23.646.071.048
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	13.767.910.579	11.217.485.264
3. Phải trả người lao động	314		17.343.706.413	14.641.017.253
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	12	6.087.692.292	5.263.914.689
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	13	9.084.726.303	7.552.611.906
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	97.851.723.064	88.591.084.002
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	123.163.779
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		23.348.462.946	12.586.910.549
II. Nợ dài hạn	330		401.844.639.338	90.926.023.963
1. Phải trả dài hạn khác	337	13	460.990.591	490.652.152
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	17	401.383.648.747	90.435.371.811
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		3.243.001.624.875	3.226.914.344.677
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	3.243.001.624.875	3.226.914.344.677
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.352.322.103.444	2.352.322.103.444
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.352.322.103.444	2.352.322.103.444
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		64.985.781.295	64.985.781.295
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		94.204.113.656	70.551.901.463
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		731.489.626.480	739.054.558.475
- LNST chưa PPLK đến cuối năm trước	421a		461.736.894.282	502.532.436.547
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		269.752.732.198	236.522.121.928
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		4.010.196.698.675	3.481.462.627.130

Nghệ An, ngày 11 tháng 03 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc






Nguyễn Phan Mạnh Hiền

Trần Thị Thu Hà

Bùi Huy Thành

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

MẪU SỐ B02 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	788.945.850.435	748.752.815.653
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		788.945.850.435	748.752.815.653
4. Giá vốn hàng bán	11	21	466.549.996.777	445.653.424.780
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		322.395.853.658	303.099.390.873
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	11.132.575.886	13.865.433.074
7. Chi phí tài chính	22	23	11.574.664.692	34.255.995.726
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		9.892.403.392	33.327.955.977
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	37.991.113.063	33.364.926.312
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		283.962.651.789	249.343.901.909
11. Thu nhập khác	31	26	490.795.823	160.682.578
12. Chi phí khác	32	27	34.262.540	293.638.309
13. Lợi nhuận khác	40		456.533.283	(132.955.731)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		284.419.185.072	249.210.946.178
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	14.666.452.874	12.688.824.250
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		269.752.732.198	236.522.121.928
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	1.147	927

Nghệ An, ngày 11 tháng 03 năm 2025

Người lập



Nguyễn Phan Mạnh Hiền

Kế toán trưởng



Trần Thị Thu Hà

Giám đốc



Bùi Huy Thành

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

MẪU SỐ B03 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2024	Năm 2023
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	284.419.185.072	249.210.946.178
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	292.354.703.690	284.509.042.077
- Các khoản dự phòng	03	(123.163.779)	123.163.779
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(62.801.239)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(11.185.210.461)	(13.960.496.778)
- Chi phí lãi vay	06	9.892.403.392	33.827.955.977
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước	08	575.295.116.675	553.710.611.233
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	173.807.514.255	(149.007.241.621)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	373.369.443	1.608.985.816
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	23.798.424.273	(8.661.517.089)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(7.008.024.976)	(100.736.092)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(11.714.354.065)	(38.395.499.885)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(13.677.474.545)	(17.392.069.878)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(7.263.549.518)	(7.710.915.486)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	733.611.021.542	334.051.616.998
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(506.669.068.166)	(16.010.488.085)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	175.181.819	95.063.704
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(90.000.000.000)	(55.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	90.000.000.000	255.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	10.568.880.012	15.023.839.999
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(495.925.006.335)	199.108.415.618
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	513.784.560.000	33.790.830.519
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(193.575.644.002)	(369.024.526.557)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(233.690.051.850)	(350.905.554.925)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	86.518.864.148	(686.139.250.963)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	324.204.879.355	(152.979.218.347)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	92.664.874.209	245.644.092.556
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	62.678.332	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	416.932.431.896	92.664.874.209

Nghệ An, ngày 11 tháng 03 năm 2025

Người lập



Nguyễn Phan Mạnh Hiền

Kế toán trưởng



Trần Thị Thu Hà

Giám đốc



Bùi Huy Thành

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na (gọi tắt "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900797430 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 16/05/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 03/01/2023.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận kinh doanh điều chỉnh là 2.352.322.100.000 đồng tương ứng với 235.232.210 cổ phần, mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần. Từ ngày 12/01/2024, Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở giao dịch Thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là HNA.

Trụ sở chính của Công ty tại tầng 9, tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Quang Trung, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2024 là 140 người (tại ngày 31/12/2023 là 117 người)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: sản xuất, mua bán điện năng;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Cho thuê văn phòng;
- Khai thác quặng sắt;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán máy móc, vật tư thiết bị phục vụ ngành điện;
- Bán buôn tổng hợp;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Đầu tư xây dựng công trình thủy điện;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Khai thác quặng kim loại quý hiếm;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh khách sạn;
- Xây dựng nhà để ở. Chi tiết: Đầu tư xây dựng nhà để ở;
- Xây dựng nhà không để ở. Chi tiết: Đầu tư xây dựng văn phòng, trung tâm thương mại, nhà hàng, khách sạn;
- Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sửa chữa thiết bị điện
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Kiểm tra, đo lường, thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị Nhà máy thủy điện;
- Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: Dịch vụ tư vấn quản lý dự án, tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Đào tạo cung cấp nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng sửa chữa và chuyển giao công nghệ các nhà máy thủy điện.

Hoạt động chính của Công ty là quản lý và vận hành Nhà máy Thủy điện Hủa Na.

Trong năm 2024, Công ty đã nhận chuyển nhượng toàn bộ dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Nơn từ Công ty Cổ phần Tổng công ty Phát triển Năng lượng Nghệ An. Nhà máy Thủy điện Nậm Nơn có công suất 20MW, được xây dựng tại xã Xá Lượng và xã Lượng Minh, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An.

Từ ngày 07/12/2024, Công ty đã nhận bàn giao các công trình hạ tầng và toàn bộ tài sản, trang thiết bị, nhân sự (vận hành và sửa chữa), các quyền và nghĩa vụ và lợi ích gắn liền và có liên quan đến Nhà máy Thủy điện Nậm Nơn.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến lưu chuyển tiền tệ), theo nguyên tắc giá gốc, dựa trên giả thiết hoạt động liên tục.

4.2. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

4.4. Chuyển đổi ngoại tệ

Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ được thực hiện theo quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Trong năm, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh hoặc tỷ giá ghi sổ kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) và chi phí tài chính (nếu lỗ). Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại được phản ánh vào chênh lệch tỷ giá hối đoái và số dư được kết chuyển sang doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

4.5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Phản ánh các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng (ngắn hạn) và trên 12 tháng (dài hạn) kể từ thời điểm báo cáo (ngoài các khoản chứng khoán kinh doanh), bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu) với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại kể từ thời điểm báo cáo của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp vào giá trị đầu tư. Dự phòng đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi được trích lập tương tự phải thu khó đòi.

4.6. Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng, xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; các khoản đã chỉ hộ; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tài sản.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là phải thu dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với các quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

4.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành, chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng tại ngày kết thúc niên độ kế toán được trích lập phù hợp với chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

4.8. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, như:

- Thay đổi bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng; hoặc

- Cải tiến bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra; hoặc
- Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.

Các chi phí phát sinh để sửa chữa, bảo dưỡng nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu, không thỏa mãn một trong các điều kiện trên, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với khung khấu hao theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị quản lý	03 - 05
Tài sản cố định khác	05

4.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc, phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Việc khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm chi phí sửa chữa tài sản cố định khắc phục sự cố có giá trị lớn và các khoản trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Chi phí sửa chữa tài sản cố định được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh trong thời gian không quá 36 tháng kể từ thời điểm phát sinh. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

4.11. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: Phải trả về lãi vay; cổ tức và lợi nhuận phải trả; chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; mượn tài sản; phải trả về tiền phạt, bồi thường; tài sản phát hiện thừa chưa rõ nguyên nhân; phải trả về các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn; các khoản nhận ký cược, ký quỹ...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

4.12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong năm tài chính do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, bao gồm: lãi tiền vay, chi phí phải trả các nhà thầu và chi phí hoạt động khác.

4.13. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả phản ánh dự phòng cho việc sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định nhà máy thủy điện Hủa Nà. Các khoản dự phòng phải trả hàng kỳ được ghi nhận dựa trên cơ sở ước tính của Công ty về tổng giá trị các khoản phí cần thiết để thực hiện công việc bảo dưỡng, sửa chữa cho mỗi chu kỳ bảo dưỡng, sửa chữa tài sản cố định là 48 tháng và phân bổ đều cho số tháng thực hiện. Chi phí thực tế bỏ ra để thực hiện công việc bảo dưỡng, sửa chữa tài sản cố định phát sinh trong kỳ được hạch toán giảm vào số dự phòng phải trả.

4.14. Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản đi vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khổ ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ; theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính và theo nguyên tệ (nếu có). Các khoản có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

4.15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng), để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán, được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng từ 12 tháng trở xuống.

4.16. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán điện được ghi nhận căn cứ vào biên bản tổng hợp giao nhận điện năng giữa Công ty và Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Doanh thu được ghi nhận bao gồm các khoản thuế tài nguyên nước, phí bảo vệ môi trường rừng và phí cấp quyền sử dụng nước mặt tính trong giá quyết toán hàng tháng với Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh từ lãi tiền gửi được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi, cho vay và lãi suất thực tế từng kỳ.

Thu nhập khác phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.

4.17. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.18. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác (cùng chung Tổng Công ty).

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty; những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	285.106.136	175.082.652
Tiền gửi ngân hàng	136.647.325.760	6.689.791.557
Các khoản tương đương tiền (*)	280.000.000.000	85.800.000.000
Cộng	416.932.431.896	92.664.874.209

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc là 01 tháng, lãi suất từ 3,7%/năm đến 4,65%/năm.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	121.306.490.799	345.887.497.962
Công ty Cổ phần Tổng công ty Phát triển năng lượng Nghệ An	5.268.973.675	-
Các khách hàng khác	293.312.632	11.152.131
Cộng	126.868.777.106	345.898.650.093

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Sơn Lâm	1.570.669.438	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng & Kiểm định Anh Phương	-	475.204.938
Công ty TNHH Xây dựng Thạch Phát	305.100.205	898.923.545
Công ty Cổ phần Đại Tam Sơn	-	980.704.896
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Thăng Long	323.301.900	323.301.900
Các nhà cung cấp khác	1.813.000.577	1.779.859.200
Cộng	4.012.072.120	4.457.994.479

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Lãi dự thu	538.780.823	-	97.632.193	-
Tạm ứng	283.627.198	-	46.310.298	-
Ký quỹ ngắn hạn	34.332.000	-	26.332.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	163.858.696	-	188.972.670	-
Cộng	1.020.598.717	-	359.247.161	-

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	20.546.928.934	-	20.421.090.130	-
Công cụ, dụng cụ	316.909.191	-	1.500.000	-
Cộng	20.863.838.125	-	20.422.590.130	-

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản	6.857.905.868	-
Chi phí bảo hiểm nhân thọ	210.330.000	206.550.000
Chi phí bảo hiểm sản xuất, vận hành	34.293.092	34.293.087
Công cụ, dụng cụ	241.634.167	-
Chi phí khác	153.248.266	248.543.330
Cộng	7.497.411.393	489.386.417

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Chi phí xây dựng công trình Nhà máy Thủy điện	54.008.334.976	35.433.004.894
Mua sắm tài sản cố định	907.272.727	-
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	-	1.641.076.357
Chi phí xây dựng khác	1.640.971.229	842.534.717
Cộng	56.556.578.932	37.916.615.968

12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Lãi vay dự trả	1.832.549.030	3.654.499.703
Chi phí phải trả nhà thầu	1.058.963.062	1.058.963.062
Chi phí nhân hiệu phải trả	2.492.109.462	-
Chi phí phải trả khác	704.070.738	550.451.924
Cộng	6.087.692.292	5.263.914.689

13. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	9.084.726.303	7.552.611.906
Các loại thuế, phí tạm tính chưa kê khai (*)	5.324.463.676	5.057.397.009
Kinh phí công đoàn, các khoản bảo hiểm	70.021.385	175.012.939
Cổ tức phải trả	2.910.100.825	1.942.760.075
Các khoản phải trả, phải nộp khác	780.140.417	377.441.883
Dài hạn	460.990.591	490.652.152
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	460.990.591	490.652.152
Cộng	9.545.716.894	8.043.264.058

(*) Phản ánh số dư phải trả Cục thuế tỉnh Nghệ An và Quỹ bảo vệ môi trường và phát triển rừng tỉnh Nghệ An về các khoản phải nộp về thuế tài nguyên, thuế giá trị gia tăng, phí bảo vệ môi trường và phí cấp quyền sử dụng nước mặt mà Công ty tạm tính, chưa kê khai và nộp cho Cục thuế tỉnh Nghệ An và Quỹ bảo vệ môi trường và phát triển rừng tỉnh Nghệ An.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. TÀI SẢN CỎ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND		VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2024	4.514.772.303.636	1.364.756.633.829	11.198.644.143	6.339.249.634	85.000.000	5.897.151.831.242
Dầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	3.087.030.430	-	-	-	-	3.087.030.430
Mua trong năm	470.089.102.975	171.390.898.549	-	575.349.900	178.600.000	642.233.951.424
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.682.837.143)	-	-	(1.682.837.143)
Tại ngày 31/12/2024	4.987.948.437.041	1.536.147.532.378	9.515.807.000	6.914.599.534	263.600.000	6.540.789.975.953
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2024	1.980.401.603.279	932.120.110.618	6.484.889.312	5.804.345.349	12.608.336	2.924.823.556.894
Khấu hao trong năm	185.862.940.294	105.808.592.581	687.800.148	374.027.951	29.482.801	292.762.843.775
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.682.837.143)	-	-	(1.682.837.143)
Tại ngày 31/12/2024	2.166.264.543.573	1.037.928.703.199	5.489.852.317	6.178.373.300	42.091.137	3.215.903.563.526
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2024	2.534.370.700.357	432.636.523.211	4.713.754.831	534.904.285	72.391.664	2.972.328.274.348
Tại ngày 31/12/2024	2.821.683.893.468	498.218.829.179	4.025.954.683	736.226.234	221.508.863	3.324.886.412.427
Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao còn sử dụng	15.039.375.380	3.266.951.067	2.637.805.455	5.768.302.765	-	26.712.434.667

Như đã trình bày ở thuyết minh số 16, Công ty đã thể chấp toàn bộ giá trị tài sản hình thành từ Dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Hủa Nà và Nhà máy Thủy điện Nậm Nơn để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÂN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan				
Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	52.218.299	52.218.299	298.938.239	298.938.239
Phải trả người bán khác				
Công ty Cổ phần Tổng công ty Phát triển năng lượng Nghệ An	181.200.000.000	181.200.000.000	-	-
Công ty TNHH Xây dựng Thạch Phát	867.435.869	867.435.869	2.201.709.735	2.201.709.735
Công ty Cổ phần Truyền dẫn Long Biên	1.722.932.283	1.722.932.283	11.710.183.142	11.710.183.142
Các nhà cung cấp khác	14.023.626.414	14.023.626.414	9.435.239.932	9.435.239.932
Cộng	197.866.212.865	197.866.212.865	23.646.071.048	23.646.071.048

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘ NHÀ NƯỚC

	01/01/2024		Số phải nộ trong năm		Số đã nộ trong năm		31/12/2024	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	52.059.581.318	52.059.581.318	-	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.612.295.873	14.666.452.874	13.677.474.545	5.601.274.202	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	699.227.931	2.922.942.305	2.310.609.759	1.311.560.477	-	-	-	-
Thuế tài nguyên nước	-	64.741.583.961	64.741.583.961	-	-	-	-	-
Phí bảo vệ môi trường rừng	5.905.961.460	22.976.338.104	22.027.223.664	6.855.075.900	-	-	-	-
Phí cấp quyền sử dụng nước mặt	-	9.365.469.000	9.365.469.000	-	-	-	-	-
Các loại thuế, phí khác	-	12.075.000	12.075.000	-	-	-	-	-
Cộng	11.217.485.264	166.744.442.562	164.194.017.247	13.767.910.579	-	-	-	-

17. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2024		Trong năm				31/12/2024	
	Giá trị	Số có khả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả	năng trả nợ	VND
	VND	năng trả nợ	VND	VND	VND	VND		
Vay ngắn hạn								
Nghân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	11.724.360.938	11.724.360.938	-	11.724.360.938	-	-	-	-
	11.724.360.938	11.724.360.938	-	11.724.360.938	-	-	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả								
Nghân hàng TMCP An Bình	76.866.723.064	76.866.723.064	202.836.283.064	181.851.283.064	97.851.723.064	97.851.723.064	-	-
	60.000.000.000	60.000.000.000	64.984.560.000	124.984.560.000	-	-	-	-
Nghân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (1)	16.866.723.064	16.866.723.064	16.971.723.064	16.866.723.064	16.971.723.064	16.971.723.064	-	-
	-	-	80.000.000.000	40.000.000.000	40.000.000.000	40.000.000.000	-	-
Nghân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Minh (2)	-	-	-	-	-	-	-	-
Nghân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (3)	-	-	40.880.000.000	-	40.880.000.000	40.880.000.000	-	-
Vay dài hạn								
Nghân hàng TMCP An Bình	90.435.371.811	90.435.371.811	513.784.560.000	202.836.283.064	401.383.648.747	401.383.648.747	-	-
	64.984.560.000	64.984.560.000	-	64.984.560.000	-	-	-	-
Nghân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (1)	25.450.811.811	25.450.811.811	-	16.971.723.064	8.479.088.747	8.479.088.747	-	-
	-	-	104.984.560.000	80.000.000.000	24.984.560.000	24.984.560.000	-	-
Nghân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Minh (2)	-	-	-	-	-	-	-	-
Nghân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (3)	-	-	408.800.000.000	40.880.000.000	367.920.000.000	367.920.000.000	-	-
Cộng	179.026.455.813	179.026.455.813	716.620.843.064	396.411.927.066	499.235.371.811	499.235.371.811		

Thông tin các hợp đồng vay của Công ty tại ngày 31/12/2024 như sau:

TT	Ngân hàng	Số hợp đồng	Hạn mức (tỷ đồng)	Mục đích	Thời hạn	Lãi suất tại 31/12/2024	Tài sản đảm bảo
(1)	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	MMMD202113392590/HDTD ngày 25/05/2021	100	Thanh toán các khoản chi phí thi công, giải phóng mặt bằng dự án Nhà máy Thủy điện Hòa Na	60 tháng từ kể ngày giải ngân đầu tiên	7,275%	Bảo lãnh thanh toán của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (bên liên quan) và các tài sản bảo đảm khác được các bên thỏa thuận sử dụng đảm bảo cho toàn bộ nghĩa vụ nợ tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam
(2)	Ngân hàng TMCP Dầu khí và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Minh	01/2024/2219756/HDTD ngày 25/03/2024	104,98	Trả nợ trước hạn các khoản vay đầu tư dự án Nhà máy Thủy điện Hòa Na tại Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hà Nội	Tương đương thời hạn còn lại của các khoản vay Dự án tại Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hà Nội: - Khoản vay 1: HDTD số 124.12/HDTD/II ngày 17/12/2012 và các phụ lục hợp đồng kèm theo. Thời hạn vay: 31/12/2024 - Khoản vay 2: HDTD số 182/16/TD-TT/II ngày 21/1/2016 và các phụ lục hợp đồng kèm theo. Thời hạn vay: 30/01/2026	5,20%	Giá trị máy móc, thiết bị, công trình xây dựng của Dự án Nhà máy Thủy điện Hòa Na

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HƯA NÀ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MAU SỐ B09 - DN

(3)	Nghân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	01/2024/CVDA/VCBHN-THUYDIENHUANA ngày 05/12/2024	489,62	Tài trợ cho các nhu cầu tin dụng hợp pháp, hợp lý hợp lệ liên quan đến việc thực hiện Dự án đầu tư mua Nhà máy thủy điện Nậm Nơn	120 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên	6%	- Thẻ chấp toàn bộ máy móc thiết bị và các động sản khác thuộc Nhà máy thủy điện Nậm Nơn - Thẻ chấp toàn bộ quyền sử dụng đất và toàn bộ công trình xây dựng và tài sản gắn liền với đất thuộc Nhà máy thủy điện Nậm Nơn - Thẻ chấp toàn bộ quyền phát sinh từ Nhà máy thủy điện Nậm Nơn, bao gồm nhưng không giới hạn quyền phát sinh từ hợp đồng mua bán điện, quyền khai thác vận hành nhà máy, quyền phát sinh từ hợp đồng chuyển nhượng, quyền thu hưởng các khoản bồi thường có thể nhận được từ bên thứ 3
-----	--	--	--------	--	--	----	--

Chi tiết lịch trả nợ của khoản vay dài hạn như sau:

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Trong vòng 1 năm	97.851.723.064	76.866.723.064
Trên 1 năm đến 5 năm	196.983.648.747	90.435.371.811
Trên 5 năm	204.400.000.000	-
Cộng	499.235.371.811	167.302.094.875

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu		Vốn khác của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển		LNST chưa phân phối		Cộng	
	VND		VND		VND		VND		VND	
Tại ngày 01/01/2023	2.352.322.103.444		64.985.781.295		12.204.520.935		928.180.872.075		3.357.693.277.749	
Lãi trong năm	-		-		-		236.522.121.928		236.522.121.928	
Trích quỹ đầu tư và phát triển	-		-		58.347.380.528		(58.347.380.528)		-	
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-		-		-		(13.675.140.000)		(13.675.140.000)	
Trích quỹ thưởng người quản lý	-		-		-		(777.600.000)		(777.600.000)	
Chí cổ tức bằng tiền	-		-		-		(352.848.315.000)		(352.848.315.000)	
Tại ngày 01/01/2024	2.352.322.103.444		64.985.781.295		70.551.901.463		739.054.558.475		3.226.914.344.677	
Lãi trong năm	-		-		-		269.752.732.198		269.752.732.198	
Trích quỹ đầu tư và phát triển (*)	-		-		23.652.212.193		(23.652.212.193)		-	
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-		-		-		(17.681.400.000)		(17.681.400.000)	
Trích quỹ thưởng người quản lý (*)	-		-		-		(751.842.000)		(751.842.000)	
Chia cổ tức bằng tiền (*)	-		-		-		(235.232.210.000)		(235.232.210.000)	
Tại ngày 31/12/2024	2.352.322.103.444		64.985.781.295		94.204.113.656		731.489.626.480		3.243.001.624.875	

(*) Công ty phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 24/NQ-HHC-DHDCD ngày 24/04/2024.

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
Tổng công ty Điện Lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	1.898.727.600.000	80,72%	1.898.727.600.000	80,72%
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á	115.500.000.000	4,91%	115.500.000.000	4,91%
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	105.000.000.000	4,46%	105.000.000.000	4,46%
Tổng công ty Lắp máy Việt Nam	87.200.270.000	3,71%	87.200.270.000	3,71%
Các cổ đông khác	145.894.230.000	6,20%	145.894.230.000	6,20%
Cộng	2.352.322.100.000	100%	2.352.322.100.000	100%

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Cổ phiếu

	31/12/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	235.232.210	235.232.210
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	235.232.210	235.232.210
- Cổ phiếu phổ thông	235.232.210	235.232.210
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	235.232.210	235.232.210
- Cổ phiếu phổ thông	235.232.210	235.232.210
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

19. KHOẢN MỤC NGOẠI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2024	01/01/2024
Đô la Mỹ (USD)	125.746,16	-

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán điện	689.073.349.942	661.994.144.806
Các khoản thuế, phí gián thu (*)	96.764.762.522	86.758.670.847
Doanh thu khác	3.107.737.971	-
Cộng	788.945.850.435	748.752.815.653

(*) Phản ánh các khoản thuế tài nguyên nước, phí bảo vệ môi trường rừng và phí cấp quyền sử dụng nước mặt.

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giá vốn sản xuất điện	368.341.734.648	358.894.753.933
Các khoản thuế, phí gián thu (*)	96.764.762.522	86.758.670.847
Giá vốn khác	1.443.499.607	-
Cộng	466.549.996.777	445.653.424.780

(*) Phản ánh các khoản thuế tài nguyên nước, phí bảo vệ môi trường rừng và phí cấp quyền sử dụng nước mặt.

22. DOANH THU TÀI CHÍNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	11.010.028.642	13.865.433.074
Lãi chênh lệch tỷ giá	122.547.244	-
Cộng	11.132.575.886	13.865.433.074

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí lãi vay	9.892.403.392	33.327.955.977
Phí trả nợ trước hạn	1.574.768.400	156.277.714
Phí bảo lãnh các hợp đồng vay	47.471.181	271.762.035
Phí bảo lãnh phát hành trái phiếu	-	500.000.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá	60.021.719	-
Cộng	11.574.664.692	34.255.995.726

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nhân viên	23.602.432.985	21.672.690.571
Chi phí vật liệu quản lý	572.359.946	883.849.996
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.503.864.684	1.373.057.275
Thuế, phí và lệ phí	13.275.000	82.445.696
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.066.042.925	2.643.555.634
Chi phí khác	8.233.137.523	6.709.327.140
Cộng	37.991.113.063	33.364.926.312

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	11.126.522.563	10.801.939.482
Chi phí nhân công	56.579.371.476	51.650.958.999
Chi phí khấu hao tài sản cố định	292.354.703.690	284.509.042.077
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.127.918.951	27.518.474.276
Chi phí thuế tài nguyên, phí môi trường rừng và phí cấp quyền sử dụng nước mặt	96.764.762.522	86.758.670.847
Chi phí khác	16.587.830.638	17.779.265.411
Cộng	504.541.109.840	479.018.351.092

26. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	175.181.819	-
Các khoản thu nhập khác	315.614.004	160.682.578
Cộng	490.795.823	160.682.578

27. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Phạt hành chính, phạt chậm nộp thuế	28.963.285	162.596.890
Chi phí khác	5.299.255	131.041.419
Cộng	34.262.540	293.638.309

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	284.419.185.072	249.210.946.178
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
- Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
- Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	3.917.157.320	4.425.787.468
Thu nhập chịu thuế	288.336.342.392	253.636.733.646
<i>Trong đó, chi tiết theo hoạt động</i>		
Hoạt động kinh doanh thông thường được ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp		
- Thu nhập chịu thuế hoạt động kinh doanh thông thường	286.672.104.028	253.636.733.646
- Thuế suất	10%	10%
- Thuế TNDN phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế	28.667.210.403	25.363.673.365
- Thuế TNDN được giảm	14.333.605.202	12.681.836.683
- Thuế TNDN phải nộp (a)	14.333.605.201	12.681.836.682
Hoạt động kinh doanh khác		
- Thu nhập chịu thuế hoạt động khác không được ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp	1.664.238.364	-
- Thuế suất	20%	20%
- Thuế TNDN phải nộp (b)	332.847.673	-
Thuế TNDN bổ sung của các năm trước (c)	-	6.987.568
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (a)+(b)+(c)	14.666.452.874	12.688.824.250

Dự án đầu tư Nhà máy Thủy điện Hòa Na là dự án đầu tư mới tại huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 và Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ.

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/6/2008 của Quốc hội, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013, đối với hoạt động kinh doanh điện, Công ty được hưởng ưu đãi thuế suất 10% trong 15 năm đầu hoạt động tính trên thu nhập chịu thuế, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong bốn (04) năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có thu nhập chịu thuế (năm 2013) và giảm 50% cho chín (09) năm tiếp theo (tới năm 2017). Thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính liên tục từ năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư được hưởng ưu đãi thuế.

Trong năm 2024, Công ty đầu tư mua lại Nhà máy Thủy điện Nậm Nơn từ Công ty Cổ phần Tổng công ty Phát triển Năng lượng Nghệ An. Nhà máy Thủy điện Nậm Nơn là dự án đầu tư mới tại huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ. Dự án Nhà máy thủy điện Nậm Nơn được hưởng ưu đãi được hưởng ưu đãi thuế suất 10% trong 15 năm đầu hoạt động tính trên thu nhập chịu thuế, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong bốn (04) năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có thu nhập chịu thuế (năm 2014) và giảm 50% cho chín (09) năm tiếp theo (tới năm 2018). Thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính liên tục từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư được hưởng ưu đãi thuế. Công ty được nhận chuyển tiếp quyền được hưởng ưu đãi về thuế TNDN trong thời gian còn lại.

Đối với các hoạt động kinh doanh khác, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc điều chỉnh (nếu có) sẽ được Công ty thực hiện khi có kết quả kiểm tra chính thức của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	269.752.732.198	236.522.121.928
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(18.433.242.000)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	269.752.732.198	218.088.879.928
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	235.232.210	235.232.210
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.147	927

Tại thời điểm 31/12/2024, Công ty chưa phân phối lợi nhuận năm 2024, theo đó lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2024 có thể được điều chỉnh, phụ thuộc vào việc trích các quỹ của Công ty từ lợi nhuận sau thuế sau khi được thông qua tại Đại hội cổ đông thường niên. Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2024 đã được trình bày lại do ảnh hưởng của việc phân phối lợi nhuận năm 2023 theo Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên năm 2024 số 24/NQ-HHC-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2024.

30. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty đã ký kết Hợp đồng thuê đất số 134/HĐ-TĐ ngày 09/09/2011 với Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An về việc thuê 809.930 m² đất tại xã Đồng Văn, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An để thực hiện xây dựng Nhà máy Thủy điện Hủa Na. Thời hạn thuê đất là 46 năm kể từ ngày 09/09/2011 đến ngày 26/03/2058. Theo Quyết định số 1016/QĐ-CT ngày 09/06/2014 của Cục thuế tỉnh Nghệ An, Công ty được miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng (từ tháng 08 năm 2011 đến hết tháng 07 năm 2013) và thời gian ưu đãi đầu tư (từ tháng 08 năm 2013 đến hết tháng 07 năm 2028).

Trong năm 2024, sau khi nhận chuyển nhượng toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuê tại Nhà máy Thủy điện Nậm Nơn, Công ty đã ký kết Hợp đồng thuê đất số 165/HĐ-TĐ ngày 28/10/2024 với Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An về việc thuê 66.776 m² đất tại xã Xá Lượng, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An để tiếp tục quản lý vận hành Nhà máy Thủy điện Nậm Nơn. Thời hạn thuê đất đến hết ngày 02/08/2061. Theo Quyết định số 890/QĐ-CT ngày 21/5/2013 của Cục thuế tỉnh Nghệ An, Công ty Cổ phần Tổng công ty Phát triển năng lượng Nghệ An (chủ đầu tư Nhà máy Thủy điện Nậm Nơn) được miễn tiền thuê đất đối với khu đất trên đến hết tháng 12/2027. Theo đó, Công ty được chuyển tiếp quyền được hưởng ưu đãi miễn tiền thuê đất.

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các bên liên quan có phát sinh giao dịch trong năm như sau:

Bên liên quan	Mối liên hệ
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Chủ sở hữu của công ty mẹ
Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Cùng chủ sở hữu

Ngoài giao dịch và số dư với các bên liên quan đã trình bày tại các Thuyết minh, Công ty có giao dịch khác với các bên liên quan như sau:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Phí bảo lãnh		
Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	47.471.181	271.762.035
Phí nhãn hiệu		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.492.109.462	6.144.066.045
Mua hàng		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	-	2.119.207.794
Chia cổ tức		
Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	189.872.760.000	284.809.140.000

Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Năm 2024	Năm 2023
		VND	VND
Ông Hoàng Xuân Thành	Chủ tịch HĐQT	1.229.564.839	1.148.764.495
Ông Lê Hải Long	Thành viên HĐQT	123.611.111	137.111.111
Ông Vũ Văn Tâm	Thành viên HĐQT	123.611.111	137.111.111
Ông Bùi Huy Thành	Thành viên HĐQT, Giám đốc	1.177.344.984	1.098.987.573
Ông Nguyễn Xuân Sơn	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc	1.125.287.203	1.067.795.747
Ông Đoàn Văn Trường	Phó Giám đốc	1.081.065.104	1.033.879.540
Ông Nguyễn Trọng Thạch	Phó Giám đốc	1.124.822.198	1.033.985.950
Cộng		5.985.306.551	5.657.635.527

32. THÔNG TIN KHÁC

Thu nhập và thù lao của Ban kiểm soát chỉ trả trong năm là:

Họ và tên	Chức vụ	Năm 2024	Năm 2023
		VND	VND
Ông Võ Trung Chính	Trưởng ban kiểm soát	1.074.756.695	1.007.437.695
Ông Văn Tuấn Thạch	Thành viên Ban Kiểm soát	-	50.755.556
Ông Lê Đình Hiệu	Thành viên Ban Kiểm soát	87.055.556	44.800.000
Bà Lê Văn Anh	Thành viên Ban Kiểm soát	87.055.556	101.555.556
Cộng		1.248.867.807	1.204.548.807

33. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

34. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán.

Nghệ An, ngày 11 tháng 03 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc





Nguyễn Phan Mạnh Hiền

Trần Thị Thu Hà

Bùi Huy Thành



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NÀ

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, Quang Trung, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 02383.588.766 | **Fax:** 02383.588.767

Email: vanthuhhc@gmail.com | <http://huana.com.vn>

